

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN PHƯỚC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐỒNG THÁP – 2023

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN PHƯỚC**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Võ Văn Tài	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Trương Thị Thu Trang	Phó Hiệu trưởng	P. chủ tịch	
3	Trần Thị Nhuận	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thư ký	
4	Trịnh Văn Khoa	Tổ trưởng tổ Toán-Tin học-tiếng Anh	Ủy viên	
5	Nguyễn Văn Thanh	Tổ trưởng tổ Văn-Sử-Địa-GDCD-Nghệ thuật	Ủy viên	
6	Trần Nguyễn Ánh Tuyết	Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên-Công nghệ-GDTC	Ủy viên	
7	Nguyễn Hiếu Nghĩa	Thanh tra nhân dân	Ủy viên	
8	Nguyễn Văn Gời	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên	
9	Huỳnh Hoàng Cửu	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	7
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	9
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	17
Tiêu chí 2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	19
Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	21
Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	25
Tiêu chí 5: Lớp học	29
Tiêu chí 6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	31
Tiêu chí 7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	34
Tiêu chí 8: Quản lý các hoạt động giáo dục	35
Tiêu chí 9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	38
Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	40
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	42
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	44
Tiêu chí 2: Đối với giáo viên	46
Tiêu chí 3: Đối với nhân viên	48

NỘI DUNG	TRANG
Tiêu chí 4: Đối với học sinh	51
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	53
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	54
Tiêu chí 2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	56
Tiêu chí 3: Khối hành chính - quản trị	59
Tiêu chí 4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	60
Tiêu chí 5: Thiết bị	62
Tiêu chí 6: Thư viện	65
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	67
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	68
Mở đầu	68
Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	68
Tiêu chí 2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	71
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	74
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	75
Mở đầu	75
Tiêu chí 1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	75
Tiêu chí 2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	79
Tiêu chí 3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	82
Tiêu chí 4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	84
Tiêu chí 5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	86
Tiêu chí 6: Kết quả giáo dục	90
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	93
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	94
Phần IV. CÁC PHỤ LỤC	95

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT*(Sắp xếp chữ viết tắt theo thứ tự a, b, c, ...)*

TT	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BDD	Ban đại diện
2	BTCĐ	Bí thư Chi đoàn
3	CBQL-GV-NV	Cán bộ quản lý - giáo viên - nhân viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CLGD	Chất lượng giáo dục
6	CM	Chuyên môn
7	CMHS	Cha mẹ học sinh
8	CNTT	Công nghệ thông tin
9	CNV	Công nhân viên
10	CSVC	Cơ sở vật chất
11	CTCĐ	Chủ tịch Công đoàn
12	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
13	DTHT	Dạy thêm học thêm
14	ĐDDH	Đồ dùng dạy học
15	GDCD	Giáo dục công dân
16	GDTC	Giáo dục thể chất
17	GD-ĐT	Giáo dục và Đào tạo
18	GDĐP	Giáo dục địa phương
19	GV	Giáo viên
20	GVBM	Giáo viên bộ môn
21	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
22	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
23	HĐSP	Hội đồng sư phạm
24	HĐTN, HN	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp
25	HS	Học sinh
26	HSG	Học sinh giỏi

27	NGLL	Ngoài giờ lên lớp
28	PHT	Phó hiệu trưởng
29	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
30	PCGD	Phổ cập giáo dục
31	THCS	Trung học cơ sở
32	TNTP	Thiếu niên Tiền phong
33	TNCS	Thanh niên cộng sản
34	TPT	Tổng phụ trách
35	TT	Tổ trưởng
36	TTYT	Trung tâm y tế
37	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tiêu chuẩn 1		10/10	10/10	01/05	0/01
Tiêu chí 1		X	X	X	
Tiêu chí 2		X	X	-	-
Tiêu chí 3		X	X		-
Tiêu chí 4		X	X		-
Tiêu chí 5		X	X		-
Tiêu chí 6		X	X		-
Tiêu chí 7		X	X	-	-
Tiêu chí 8		X	X	-	-
Tiêu chí 9		X	X	-	-
Tiêu chí 10		X	X	-	-
Tiêu chuẩn 2		04/4	04/4	02/04	0/0
Tiêu chí 1		X	X	X	-
Tiêu chí 2		X	X		-
Tiêu chí 3		X	X		-
Tiêu chí 4		X	X	X	-
Tiêu chuẩn 3		06/6	06/6	02/05	0/1
Tiêu chí 1		X	X	X	-
Tiêu chí 2		X	X		-
Tiêu chí 3		X	X		-
Tiêu chí 4		X	X	-	-
Tiêu chí 5		X	X		-
Tiêu chí 6		X	X	X	
Tiêu chuẩn 4		02/2	02/2	01/02	0/0
Tiêu chí 1		X	X	X	-
Tiêu chí 2		X	X		-
Tiêu chuẩn 5		06/6	06/6	03/04	01/04
Tiêu chí 1		X	X	X	
Tiêu chí 2		X	X	X	
Tiêu chí 3		X	X	-	-

Tiêu chí 4		x	x	-	-
Tiêu chí 5		x	x	x	x
Tiêu chí 6		x	x		

2. Kết luận: Đạt mức 2

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trung học cơ sở Tân Phước

Tên trước đây (nếu có): Trung học cơ sở Tân Phước

Cơ quan chủ quản: Sở/Phòng GD&ĐT huyện Tân Hồng

Tỉnh	Đồng Tháp	Họ và tên hiệu trưởng	Võ Văn Tài
Huyện	Tân Hồng	Điện thoại	0944 300123
Xã	Tân Phước	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia		Website	http://thestanphuoc.pgdtanhong.edu.vn
Năm thành lập trường	2006	Số điểm trường	1
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019–2020	Năm học 2020–2021	Năm học 2021–2022	Năm học 2022–2023	Năm học 2023–2024
Khối lớp 6	2	3	2	2	3
Khối lớp 7	2	2	3	2	2
Khối lớp 8	2	2	2	2	2
Khối lớp 9	2	2	2	2	2
Cộng	8	9	9	8	9

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019– 2020	Năm học 2020– 2021	Năm học 2021– 2022	Năm học 2022– 2023	Năm học 2023– 2024	Ghi Chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	9	9	9	9	25	
1	Phòng học	8	8	8	8	10	
A	Phòng kiên cố	8	8	8	10	10	
B	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	0	0	0	0	10	
A	Phòng kiên cố	0	0	0	0	10	
B	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	1	1	1	1	5	
A	Phòng kiên cố	1	1	1	1	5	
B	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	0	0	0	0	18	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	18	
2	Phòng bán	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2019– 2020	Năm học 2020– 2021	Năm học 2021– 2022	Năm học 2022– 2023	Năm học 2023– 2024	Ghi Chú
	kiên cố						
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	1	1	1	6	6	
	Cộng	11	11	11	11	50	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	SL Nữ	SL người dân tộc thiểu số	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1				1		
Phó hiệu trưởng	1	1			1		
Giáo viên	17	6			17		
Nhân viên	5	4			5		
Cộng	24	11			24		

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019– 2020	Năm học 2020– 2021	Năm học 2021– 2022	Năm học 2022– 2023	Năm học 2023– 2024
1	Tổng số giáo viên	17	15	14	16	17
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	17/8=2,1	15/9=1,7	14/9=1,6	16/8=2,0	17/9=1,9
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh (1GV/?HS)	1/17 (17/293)	1/20 (15/299)	1/20 (14/285)	1/17 (16/279)	1/19 (17/324)
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc	06	06	08	08	09

TT	Số liệu	Năm học 2019– 2020	Năm học 2020– 2021	Năm học 2021– 2022	Năm học 2022– 2023	Năm học 2023– 2024
	tương đương (nếu có)					
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	03	03	03	03	04

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019– 2020	Năm học 2020– 2021	Năm học 2021– 2022	Năm học 2022– 2023	Năm học 2023– 2024	Ghi Chú
1	Tổng số học sinh	293	299	285	279	324	
	- Nữ	140	141	130	138	160	
	- Dân tộc thiểu số						
	- Khối lớp 6	83/40	92/44	72/34	69/41	114/56	
	- Khối lớp 7	72/31	77/36	88/40	64/30	66/39	
	- Khối lớp 8	73/39	63/25	64/30	85/39	61/27	
	- Khối lớp 9	65/30	67/36	61/26	61/28	83/38	
2	Tổng số tuyển mới	78	89	73	65	109	
3	Học 2 buổi/ngày	65	67	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân học sinh/lớp	293/8 =36,6	299/9 =33,2	285/9 =31,7	279/8 =34,9	324/9 =36,0	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	285/293 =97,3%	285/299 =95,3%	269/285 =94,4%	275/279 =98,6%	304/324 =93,83%	
	- Nữ	136/140 = 97,1%	139/141 =98,6%	126/130 =96,9%	137/138 =99,3%	152/160 =95,0%	
	- Dân tộc	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	

TT	Số liệu	Năm học 2019– 2020	Năm học 2020– 2021	Năm học 2021– 2022	Năm học 2022– 2023	Năm học 2023– 2024	Ghi Chú
	<i>thiếu số</i>						
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	3	5	4 Tỉnh: 01	3 Tỉnh: 01		
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0		
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	33	41	20	22	27	
	- Nữ	20	9	13	10		
	- Dân tộc <i>thiếu số</i>	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	

b) Kết quả giáo dục

TT	Số liệu	Năm học 2019–2020	Năm học 2020–2021	Năm học 2021–2022	Năm học 2022–2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	19/293 =6,5%	26/299 =8,7%	130/285 =20,7%	65/279 =23,3%		
2	Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	90/293 =30,7%	151/299 =50,5%	147/285 =51,6%	141/279 =50,5%		
3	Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	4/293 =1,4%	1/299 =0,3%	4/285 =1,4%	0/279 =0,0%		
4	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	271/293 =92,5%	273/299 =91,3%	258/285 =90,5%	277/279 =99,3%		
5	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	21/293=7,2%	26/299 =8,7%	27/285 =9,5%	2/279 =0,7%		
6	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh	1/293=0,3%	0,0%	0,0%	0,0%		

TT	Số liệu	Năm học 2019–2020	Năm học 2020–2021	Năm học 2021–2022	Năm học 2022–2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
	kiểm trung binh						

5. Các số liệu khác (nếu có)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tổng quan về nhà trường

Trường Trung học cơ sở Tân Phước tọa lạc tại ấp Hoàng Việt, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp được thành lập theo Quyết định số 169/QĐ-UBND-TL ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng.

Từ khi thành lập, Trường chỉ có 08 phòng học và 02 phòng chức năng (01 phòng thư viện và 01 phòng thiết bị), cơ sở vật chất còn thiếu nhiều (từ năm học 2006-2007 đến năm học 2022-2023). Năm học 2022-2023, Trường được xây dựng thêm 02 phòng học và 25 phòng chức năng. Hiện tại nhà trường đã có đủ các khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao, hạ tầng kỹ thuật, thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tương đối hoàn chỉnh. Tổng diện tích đất của trường là 15.424 m², đảm bảo đủ cho học sinh học tập và tổ chức các hoạt động ngoài giờ.

Về cơ cấu tổ chức, nhân sự, trường có Chi bộ Đảng, Ban giám hiệu, tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh; có 03 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 24 người.

Về học sinh, trường hiện có 09 lớp với 324 học sinh (Khối lớp 6: 114 học sinh; Khối lớp 7: 66 học sinh; Khối lớp 8: 61 học sinh; Khối lớp 9: 83 học sinh), phần lớn học sinh của trường cư trú trên địa bàn ấp Hoàng Việt và ấp Tuyết Hồng xã Tân Phước, một số khác thuộc các xã lân cận như Tân Công Sính, Hòa Bình huyện Tam Nông và xã Vĩnh Châu B thuộc huyện Tân Hưng tỉnh Long An.

Trong quá trình phát triển nhà trường, đội ngũ CBQL-GV-NV và HS đã nỗ lực hết mình để cùng nhau đưa mọi hoạt động của nhà trường đi vào nền nếp và từng bước phát triển vững chắc. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD-ĐT; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh, bên cạnh đó việc ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng và đầu tư thêm các thiết bị dạy học. Do đó đã tạo nên những chuyển biến khá mạnh mẽ về chất lượng: Số HS bỏ học giảm, tỷ lệ HS lên lớp thẳng và HS giỏi, HS tiên tiến hàng năm đều tăng. Việc giáo dục đạo đức HS cũng được đặc biệt quan tâm. Nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức HS thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng HS của người Thầy, kết hợp với nội dung phong trào “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên đặc biệt là việc bồi dưỡng về chương trình giáo dục phổ thông 2018. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*”, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho CBQL-GV-NV nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn.

Về quản lý tài chính - tài sản, nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản.

Thuận lợi cơ bản của nhà trường là đội ngũ giáo viên đa số có kinh nghiệm trong công tác giáo dục học sinh, nhiệt tình, có trình độ đào tạo đạt chuẩn, đáp ứng tốt cho hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục. Cơ sở vật chất nhà trường mới được bàn giao đưa vào sử dụng, đảm bảo cho việc thực hiện các hoạt động giáo dục tại nhà trường. Lãnh đạo nhà trường có kinh nghiệm và sâu sát trong quản lý, điều hành.

Khó khăn cần giải quyết hiện nay là trường còn khá nhiều học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ ít quan tâm đến việc học tập của con cái, do đó ảnh hưởng không ít đến chất lượng học tập và công tác duy trì sĩ số của nhà trường.

2-Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng giáo dục của nhà trường, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và đưa ra các biện pháp thực hiện để đáp ứng các chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD-ĐT ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục để đăng kí kiểm định chất lượng giáo dục. Ngoài ra, tự đánh giá còn là động lực làm thay đổi nếp nghĩ và cách làm việc của chính nhà trường trong nhiệm vụ giảng dạy và quản lý. Nhà trường tự nhìn nhận lại và đánh giá đúng thực chất hơn về chất lượng của trường mình.

3-Tóm tắt quá trình tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường gồm 09 thành viên, gồm Lãnh đạo Trường, thư ký Hội đồng trường, các tổ trưởng chuyên môn, đại diện Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Các thành viên trong hội đồng được phân công theo nhóm nhằm thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí và viết phiếu đánh giá. Nhóm thư ký có

trách nhiệm kiểm tra, chọn lọc, mã hóa các thông tin minh chứng, đồng thời giúp Chủ tịch Hội đồng rà soát, hoàn chỉnh các Phiếu đánh giá và tập hợp thành báo cáo tự đánh giá của nhà trường. Báo cáo tự đánh giá sau khi thông qua Hội đồng tự đánh giá sẽ được công bố để lấy ý kiến của hội đồng sư phạm nhà trường.

Công cụ đánh giá được sử dụng là thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, gồm 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí, đối với mức 1 có 84 chỉ báo, đối với mức 2 có thêm 45 chỉ báo và đối với mức 3 có thêm 25 chỉ báo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhà trường luôn xác định làm tốt công tác tổ chức và quản lý trường học là yếu tố quan trọng hàng đầu đến hiệu quả và chất lượng các hoạt động giáo dục. Vì thế Nhà trường đã xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định tại Điều lệ trường phổ thông gồm: Hội đồng trường, tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cha mẹ học sinh, Hội đồng tư vấn, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, có đầy đủ cán bộ quản lý, có đầy đủ các tổ chuyên môn và tổ văn phòng, có đủ các khối lớp và số học sinh phù hợp với quy mô của trường. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm đương được nhiệm vụ công tác theo yêu cầu nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của nhà trường.

Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Mức 4

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và phù hợp với nguồn lực của nhà trường, trường đã xây dựng chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2022–2027 và tầm nhìn đến năm 2032 trên cơ sở thực tế của đơn vị. Trong phương hướng, chiến lược đã nêu lên được mặt mạnh, mặt yếu và những giải pháp mang tính khả thi cao đáp ứng với nguồn lực, tình hình thực tế và điều kiện phát triển hiện có của nhà trường, tập trung xây dựng nhà trường uy tín về chất lượng giáo dục, phấn đấu đến năm 2024 đạt cấp độ 2 kiểm định giáo dục và trường chuẩn quốc gia mức độ 1, phấn đấu đến năm 2030 đạt cấp độ 3 kiểm định giáo dục và mức độ 2 trường chuẩn quốc gia [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Phương hướng, chiến lược được thông qua Hội đồng nhà trường bằng văn bản và được Lãnh đạo Phòng GD-ĐT Tân Hồng phê duyệt vào tháng 9 năm 2022 [H1-1.1-02].

c) Kế hoạch phát triển đã được thông báo công khai tại bảng thông báo, trong và đăng trên website của nhà trường tại địa chỉ: <http://thcstanphuoc.pgdtanhong.edu.vn> [H1-1.1-03].

1.2. Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường, phân công thành viên các hội đồng thực hiện việc giám sát như: Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng giám sát việc thực hiện các phong trào thi đua của nhà trường; Ban thanh tra nhân dân giám sát việc sử dụng kinh phí hoạt động, việc thực hiện các qui chế, việc thực hiện các chế độ chính sách,... Nội dung giám sát được ghi trong quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên hội đồng trường và biên bản giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-04].

1.3. Mức 3

Cuối năm học, nhà trường tổ chức cuộc họp hội đồng sư phạm nhằm rà soát các chỉ tiêu đã đề ra trong phương hướng chiến lược để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các nghị quyết của xã Tân Phước và thực tế tại đơn vị; Nội dung được điều

chỉnh, bổ sung là việc trang bị CSVC, trang thiết bị dạy học, chất lượng giáo dục và nhân sự đơn vị. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược của nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL-GV-NV, nhưng chưa có sự tham gia của CMHS và cộng đồng xã hội [H1-1.1-05].

1.4. Mức 4

Trong giai đoạn 2022-2023, tất cả mục tiêu ngắn hạn theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường cơ bản đã hoàn thành. Cụ thể chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, cơ sở vật chất được đầu tư ngày càng khang trang, môi trường giáo dục ngày càng cải thiện. Tuy nhiên, tỉ lệ giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp loại Tốt chưa đạt (6,25%/10,0%), hiệu quả đào tạo chỉ đạt 77,21% (chỉ tiêu 80,0%), tỉ lệ học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2022- 2027 và tầm nhìn đến năm 2030, triển khai đến toàn thể CB-GV-NV nhà trường, đồng thời thông báo công khai tại bảng thông báo, trong Hội nghị CBVC và đăng trên website của nhà trường.

Chiến lược được xác định bằng văn bản và được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Hồng phê duyệt.

Chiến lược phát triển của nhà trường xây dựng và nêu được các biện pháp thực hiện phù hợp với mục tiêu phát triển của nhà trường, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương và sự phát triển của Ngành giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa có sự tham gia của chưa có sự tham gia của CMHS và cộng đồng xã hội.

Giai đoạn 2022-2023, mục tiêu giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp loại Tốt, hiệu quả đào tạo, tỉ lệ học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, nhà trường tuyên truyền phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng nhiều hình thức hơn nữa, nhằm tranh thủ sự đóng góp của CMHS, cộng đồng xã hội nhằm đạt được mục tiêu mà kế hoạch đã đề ra. Hằng năm, trong quá trình thực hiện chiến lược, Hiệu trưởng luôn rà soát, rút ra những việc đã làm được và những việc chưa làm được để bổ sung và điều chỉnh, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch chiến lược.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng**1.1. Mức 1**

a) Hội đồng trường đã được thành lập theo quyết định số 66/QĐ-UBND.TL ngày 17/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng với nhiệm kỳ 05 năm (2022-2027), có 09 thành viên gồm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư chi đoàn, Tổ trưởng chuyên môn, Tổ trưởng văn phòng, đại diện chính quyền địa phương, đại diện Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh [**H1-1.2-01**]; Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập và làm chủ tịch. Các thành viên của hội đồng thi đua khen thưởng gồm: Bí thư cấp ủy, phó hiệu trưởng, đại diện hội đồng trường, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng và các giáo viên chủ nhiệm lớp [**H1-1.2-02**]. Ngoài ra, nhà trường còn có Hội đồng tư vấn, hội đồng thẩm định SKKN,... thành phần bao gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng văn phòng được thành lập theo Điều lệ trường trung học quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [**H1-1.2-03**]; Trong 05 năm qua nhà trường không có kỷ luật viên chức, kỷ luật học sinh nên không thành lập Hội đồng kỷ luật.

b) Hội đồng trường tổ chức họp định kì mỗi năm 03 lần nhằm quyết nghị các mục tiêu chiến lược phát triển của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực của nhà trường, bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục [**H1-1.2-04**]; Hội đồng thi đua khen thưởng họp định kỳ vào đầu năm học để dự thảo quy chế thi đua trước khi thông qua hội nghị CBVC và phân công thành viên trong hội đồng thực hiện giám sát công tác thi đua khen thưởng trong nhà trường. Cuối năm học căn cứ vào nhiệm vụ được giao, hiệu quả lao động và tiêu chuẩn thi đua, cá nhân tự đánh giá xếp loại, tổ chuyên môn họp, bình xét, xếp loại; Hội đồng thi đua khen thưởng họp đánh giá nhận xét, xếp loại sau đó thông báo công khai kết quả trước HĐSP [**H1-1.2-05**]. Hội đồng Tư vấn có nhiệm

vụ tư vấn các hoạt động giáo dục trong nhà trường, giáo dục đạo đức cho học sinh; tư vấn công tác tổ chức, quản lý hoạt động giáo dục và chất lượng giáo dục; cơ sở vật chất; đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; hoạt động xã hội hóa giáo dục và các mặt công tác khác theo đúng quy định Điều lệ trường trung học cơ sở **[H1-1.2-06]**

c) Sau mỗi học kỳ, cuối năm học Hội đồng trường và các Hội đồng khác đều thực hiện rà soát nhằm đánh giá lại kết quả hoạt động, có rút kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp, cải tiến cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường cũng như đề xuất bổ sung những giải pháp cho thời gian tiếp theo **[H1-1.2-07]**.

1.2. Mức 2

Hội đồng trường đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, đóng góp có hiệu quả trong công tác xây dựng cơ sở vật chất nhà trường **[H1-1.2-04]**; Hội đồng thi đua khen thưởng đã tổ chức, chỉ đạo, triển khai các hoạt động thi đua, kích thích CBQL-GV-NV nỗ lực hoàn thành có hiệu quả và chất lượng cao các nhiệm vụ công tác được giao, đã góp phần giúp nhà trường đạt bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh **[H1-1.2-05]**. Hội đồng tư vấn thực hiện công tác tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của từng bộ phận thông qua kế hoạch hoạt động như: tuyên truyền trong công tác giáo dục đạo đức học sinh, công tác tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho HS, công tác tổ chức các hoạt động giáo dục NGLL,...

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập đúng cơ cấu và thành phần được quy định trong Điều lệ trường Trung học và hướng dẫn của cấp trên. Các Hội đồng hoạt động hiệu quả, đúng chức năng và góp phần tích cực vào việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của nhà trường mỗi năm học.

3. Điểm yếu

Công tác đề nghị kiện toàn nhân sự Hội đồng Trường khi có thay đổi về nhân sự về cấp trên còn chậm. Một số thành viên của hội đồng trường chưa tích cực tham gia phát biểu ý kiến xây dựng nhà trường.

Hội đồng tư vấn về lĩnh vực phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh sau tốt nghiệp THCS chưa đạt hiệu quả cao, số học sinh sau tốt nghiệp THCS tham gia lao động tự do không qua đào tạo nghề còn nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, khi có thay đổi nhân sự Hội đồng trường nhà trường sẽ kịp thời trình Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện Tân Hồng ra quyết định bổ

sung nhân sự theo đúng quy định. Tiếp tục đề nghị về trên cử nhân sự tham gia các lớp tập huấn về công tác thi đua- khen thưởng.

Từ năm học 2023-2024, nhà trường tạo thêm nhiều kênh đóng góp ý kiến hơn (zalo, hộp thư điện tử,...) để các thành viên của hội đồng phát huy hết vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên để đóng góp cho các chủ trương, chỉ tiêu của nhà trường mang tính khả thi.

Từ năm học 2023-2024, Hiệu trưởng lập kế hoạch có phân công rõ nhiệm vụ từng thành viên trong hội đồng tư vấn, đặc biệt là công tác tư vấn phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh sau tốt nghiệp THPT, có kiểm tra đánh giá để phát huy tính tích cực chủ động khi tham gia các hoạt động trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có tổ chức công đoàn với 24 thành viên. Ban chấp hành Công đoàn do Đại hội công đoàn cơ sở bầu gồm 03 thành viên (01 Chủ tịch, 01 phó Chủ tịch và 01 ủy viên) được Liên Đoàn lao động huyện Tân Hồng ra quyết định chuẩn y

[H1-1.3-01]. Hiện tại nhà trường có 02 đoàn viên đang sinh hoạt tại chi đoàn Trường Tiểu học Tân Phước theo Quyết định của Ban thường vụ xã Đoàn Tân Phước **[H1-1.3-02]**. Đội TNTP Hồ Chí Minh Trường Trung học cơ sở Tân Phước có 324 đội viên với 09 chi đội, BCH Liên Đội có 09 đội viên được tín nhiệm thông qua đề cử của các chi đội và được Hội đồng Đội huyện Tân Hồng ra quyết định chuẩn y với nhiệm kỳ 01 năm học, gồm 01 Liên Đội trưởng phụ trách chung, 02 Liên đội phó, 06 ủy viên **[H1-1.3-03]**. Ngoài ra, nhà trường còn có hội khuyến học, hội chữ thập đỏ được thành lập và có cơ cấu thành phần đúng theo quy định **[H1-1.3-04]**.

b) Các tổ chức đều hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện các mục tiêu giáo dục. Cụ thể: Công đoàn nhà trường thường xuyên tuyên truyền và vận động đoàn viên thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn; kiểm tra, giám sát trong đơn vị về việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên và người lao động; phối hợp với thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị viên chức và người lao động. Công đoàn nhà trường còn tổ chức vận động CNVCLĐ trong đơn vị, thi đua yêu nước, thực hiện nghĩa vụ của viên chức và người lao động tham gia quản lý đơn vị, cải tiến lề lối làm việc nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác; tổ chức cho đoàn viên tham gia góp vốn xoay vòng; phát triển đoàn viên, xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng **[H1-1.3-05]**. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục, rèn luyện đoàn viên nhằm góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đơn vị; phối hợp với chính quyền, các đoàn thể làm tốt công tác thanh niên, tích cực chăm lo xây dựng Đoàn, tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và chính quyền **[H1-1.3-06]**. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giáo dục đội viên thực hiện Điều lệ Đội, nghi thức Đội và chương trình đội viên; thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy để trở thành con ngoan, trò giỏi, bạn tốt, công dân tốt, đoàn viên Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; làm gương tốt cho nhi đồng noi theo, giúp đỡ nhi đồng và thiếu niên trở thành đội viên thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, thực hiện các quyền và bổn phận của trẻ em đã nêu trong Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em **[H1-1.3-07]**. Chi Hội khuyến học phối hợp với nhà trường, gia đình và các tổ chức xã hội ở địa phương tạo môi trường giáo dục lành mạnh, giáo dục đạo đức cho học sinh. Phối hợp với nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh để hỗ trợ giáo viên dạy tốt. Vận động học sinh đi học đúng độ tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục THCS **[H1-1.3-08]**. Chi Hội chữ thập đỏ của nhà trường tham gia tuyên

truyền vận động giáo viên và học sinh tham gia hiến máu nhân đạo, phòng, chống tai nạn thương tích, giữ gìn trật tự an toàn giao thông, phòng ngừa, ứng phó thảm họa [H1-1.3-09].

c) Hằng năm, mỗi học kỳ, cuối năm học Công đoàn cơ sở, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Đội TNTP Hồ Chí Minh, chi hội khuyến học, chi hội chữ thập đỏ của nhà trường đều thực hiện rà soát nhằm đánh giá lại kết quả hoạt động, rút kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp, cải tiến cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11]; [H1-1.3-12].

1.2. Mức 2

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng gồm 11 đảng viên, có 01 Bí thư và 01 Phó bí thư, được tập thể tín nhiệm thông qua đại hội Chi bộ và được Ban thường vụ Đảng ủy xã Tân Phước ra quyết định chuẩn y nhiệm kỳ 2022-2025 [H1-1.3-13]. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường thể hiện rõ vai trò lãnh đạo trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, tư tưởng, lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức và cán bộ, lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, xây dựng chi bộ đảng trong sạch, vững mạnh gắn với các nhiệm vụ cụ thể được giao [H1-1.3-14]. Trong 05 năm qua (từ năm 2018 đến năm 2022), chi bộ nhà trường được Đảng bộ xã Tân Phước đánh giá xếp loại đạt 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-15].

b) Các tổ chức đoàn thể của nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ của mình đã đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Công đoàn tổ chức nhiều phong trào để phát động công đoàn viên tích cực thực hiện tốt nội quy, quy chế cơ quan, đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho công đoàn viên, tích cực vận động công đoàn viên tham gia hiến máu tình nguyện, ủng hộ kinh phí mái ấm công đoàn, đóng góp các loại quỹ như: phòng chống thiên tai, quỹ hỗ trợ người nghèo, quỹ tương trợ đột xuất do Phòng Giáo dục và Đào tạo và Hội Khuyến học, Khoa học Lịch sử huyện phát động, ... [H1-1.3-16]. Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, đạo đức, lối sống cho đoàn viên. Vận động đoàn viên tham gia các phong trào do trường và địa phương phát động như hỗ trợ địa phương làm căn cước công dân cho người dân, phát hoang bụi rậm, trồng cây xanh trên các tuyến đường nông thôn, tham gia hội trại tòng quân,... Mỗi hoạt động là một việc làm thiết thực của chi đoàn góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường và địa phương trong công cuộc xây dựng nông thôn mới. Thông qua các hoạt động, đã giúp các đoàn viên có thêm trải nghiệm, đồng thời nâng cao hiểu biết xã hội và tăng thêm tính cộng đồng trong việc định hướng và hình thành nhân cách, năng lực cá nhân, tạo sức lan tỏa rộng rãi trong

cộng đồng [H1-1.3-17]. Liên đội tổ chức các hoạt động như dọn dẹp vệ sinh môi trường, phong trào tiết học tốt, hoa điểm 10, phong trào kế hoạch nhỏ, nuôi heo đất; phong trào xanh hóa lớp học để góp phần xây dựng trường Xanh - Sạch - Đẹp, tuyên truyền giáo dục ý thức về an toàn giao thông trong học sinh, tổ chức cho phụ huynh học sinh, giáo viên, nhân viên và học sinh ký cam kết thực hiện tốt an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội, không tham gia các tệ nạn xã hội. Tổ chức trò chơi dân gian cho học sinh vào các ngày lễ lớn trong năm 26/3, 30/4, 01/5, 19/5, 22/12. Tổ chức cho học sinh sinh hoạt dưới cờ và kể chuyện Bác Hồ trong các buổi chào cờ đầu tuần, vận động đội viên tích cực ủng hộ kinh phí mua bảo hiểm y tế, kinh phí hỗ trợ cho bạn nghèo khó khăn về học tập [H1-1.3-18].

1.3. Mức 3

a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 2.

b) Các đoàn thể, tổ chức trong đơn vị đã có nhiều đóng góp có hiệu quả trong hoạt động giáo dục, tư vấn những vấn đề cần thiết trong nhà trường như: phong trào nền nếp học đường, giáo dục đạo đức học sinh, phong trào đảm việc nhà, giỏi việc trường, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới,... Qua các phong trào, hoạt động đã góp phần ổn định nền nếp học sinh, chất lượng hai mặt giáo dục tăng lên, học sinh tự tin thể hiện bản thân. Các phong trào học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh tăng lên hàng năm, các hoạt động trải nghiệm về nguồn được học sinh tham gia tích cực. Công đoàn nhà trường nhiều năm liền được công nhận vững mạnh [H1-1.3-19]; Chi đoàn nhiều năm liền được xếp loại mạnh [H1-1.3-20]. Liên đội Trường Trung học cơ sở Tân Phước nhiều năm liền được Hội đồng đội huyện Tân Hồng xếp loại Liên đội Mạnh [H1-1.3-21]. Tuy nhiên, việc chăm lo đời sống, thăm hỏi công đoàn viên khi ốm đau, việc động viên công đoàn viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao của công đoàn nhà trường có đôi lúc chưa kịp thời; Chi đoàn tổ chức các hoạt động giáo dục rèn luyện đoàn viên thanh thiếu niên góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị ở đơn vị đôi khi còn chậm so với thời gian quy định. Một số hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh của nhà trường chưa phong phú về nội dung và hình thức tổ chức.

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường và các đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh) có cơ cấu và hoạt động đúng chức năng theo Điều lệ quy định, hoạt động đúng kế hoạch đề ra, thực hiện tốt công tác lãnh đạo, có nhiều đóng góp tích cực và hiệu quả cho các hoạt động giáo dục của nhà trường và cộng đồng.

Trong 05 năm qua chi bộ được Đảng bộ xã Tân Phước đánh giá xếp loại đạt 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2018), 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các tổ chức đoàn thể đều đạt vững mạnh (Công đoàn nhà trường nhiều năm liền được công nhận vững mạnh. Chi đoàn nhiều năm liền được xếp loại mạnh. Liên đội Trường Trung học cơ sở Tân Phước nhiều năm liền được Hội đồng đội huyện Tân Hồng xếp loại Liên đội Mạnh).

3. Điểm yếu

Do làm công tác kiêm nhiệm, chưa nghiên cứu nhiều các văn bản hướng dẫn của các Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh nên việc chăm lo đời sống, thăm hỏi công đoàn viên khi ốm đau, việc động viên công đoàn viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao của công đoàn nhà trường có đôi lúc chưa kịp thời.

Các hoạt động giáo dục rèn luyện đoàn viên thanh thiếu niên góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị ở đơn vị của Chi đoàn đôi khi còn chậm so với thời gian quy định. Một số hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh của nhà trường chưa phong phú về nội dung và hình thức tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì tốt hoạt động của Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Hằng năm, Hiệu trưởng tích cực tham mưu Chi bộ thực hiện tốt hơn nữa công tác giám sát đối với các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường. Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên TPT Đội lập kế hoạch hoạt động cụ thể, nội dung phong phú, đa dạng về hình thức tổ chức và có phân công BCH Liên đội theo dõi việc tham gia các hoạt động của đội viên. Công đoàn và Chi đoàn Trường Trung học cơ sở Tân Phước cần dành thời gian nghiên cứu Điều lệ của từng tổ chức nhiều hơn nữa để thực hiện nhiệm vụ tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trường Trung học cơ sở Tân Phước có Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng được UBND huyện Tân Hồng ra quyết định bổ nhiệm [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

b) Năm học 2023-2024, nhà trường có thành lập 03 tổ chuyên môn: Tổ Toán – Tin học-tiếng Anh có 06 thành viên gồm 03 giáo viên dạy môn Toán-Tin học, 02 giáo viên dạy môn tiếng Anh và Hiệu trưởng [H1-1.4-03]; Tổ Văn-Sử-Địa-GDCD-Nghệ thuật có 08 thành viên gồm 02 giáo viên dạy môn Văn, 02 giáo viên dạy môn Sử-GDCD, 01 giáo viên dạy môn Địa, 02 giáo viên dạy môn nghệ thuật (01 giáo viên dạy âm nhạc, 01 giáo viên dạy mỹ thuật) và Phó hiệu trưởng [H1-1.4-04]; Tổ Khoa học tự nhiên-Công nghệ-GDTC có 05 thành viên gồm 01 giáo viên dạy môn Hóa, 01 giáo viên dạy môn Sinh-Công nghệ, 01 giáo viên dạy môn Lý, 01 giáo viên dạy môn Thể dục và 01 giáo viên tổng phụ trách đội [H1-1.4-05]. Mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của các thành viên tổ chuyên môn. Nhà trường có Tổ văn phòng với 05 nhân viên gồm các bộ phận: 01 Văn thư, 01 Kế toán, 01 Thủ quỹ - y tế học đường, 01 nhân viên thư viện và 01 bảo vệ [H1-1.4-06]. Tổ văn phòng có 01 Tổ trưởng do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của các thành viên của tổ.

c) Trên cơ sở Kế hoạch chung của nhà trường, các tổ chuyên môn đều có kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng, tuần. Tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên môn ít nhất 01 lần trong 02 tuần và tham gia các hoạt động khác do Hiệu trưởng phân công [H1-1.4-07]; Các tổ chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ được quy định tại điều lệ trường trung học: Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục thuộc chuyên môn phụ trách theo tuần, tháng, học kỳ, năm học; phối hợp với các tổ chuyên môn khác xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường; Đề xuất lựa chọn sách giáo khoa, xuất bản phẩm tham khảo để sử dụng

trong nhà trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn theo kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được hội đồng trường phê duyệt; Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ chuyên môn và của nhà trường; Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

Tổ Văn phòng đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ rõ ràng cho cả năm học, từng học kỳ, từng tháng một cách khoa học, phù hợp với nhiệm vụ được giao và nguồn nhân lực của tổ được lãnh đạo nhà trường phê duyệt. Tổ Văn phòng sinh hoạt 01 lần/tháng và các sinh hoạt khác khi có nhu cầu công việc hay khi Hiệu trưởng yêu cầu **[H1-1.4-08]**.

Các tổ chuyên môn là tổ ghép, môn ghép chỉ có 01 giáo viên nên phần nào ảnh hưởng đến công tác sinh hoạt chuyên môn. Các đồng chí tổ trưởng chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động. Tổ Văn phòng gồm nhiều chuyên môn khác nhau nên công tác kiểm tra, giám sát của đồng chí tổ trưởng văn phòng chưa sâu sát.

1.2. Mức 2

a) Hằng năm các tổ chuyên môn đều có xây dựng ít nhất 01 chuyên đề, cụ thể năm học 2021- 2022: Tổ Toán-Tin học-Tiếng Anh chuyên đề “Bài toán về tỉ số %”; tổ Văn-Sử-Địa-GDCD-Nghệ thuật chuyên đề “Dạy học tích hợp”; tổ Khoa học tự nhiên chuyên đề “Ô nhiễm môi trường”. Năm học 2022-2023: Tổ Toán-Tin học-Tiếng Anh chuyên đề “Dạy học tích hợp trong bộ môn Toán”; tổ Văn-Sử-Địa-GDCD-Nghệ thuật chuyên đề “Nâng cao chất lượng dạy và học môn Âm nhạc”; tổ Khoa học tự nhiên-Công nghệ-GDTC chuyên đề “Sử dụng thí nghiệm ảo trong dạy học vật lý THCS”. Các chuyên đề đã đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy, đã góp phần nâng cao, duy trì chất lượng giáo dục chung của nhà trường. So với yêu cầu của mỗi môn học, các chuyên đề rất phù hợp với nội dung chương trình giảng dạy **[H1-1.4-09]**.

b) Các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được theo dõi và đánh giá hàng tháng, từng học kỳ qua các phiên họp tổ. Cuối học kỳ và cuối năm các tổ tiến hành họp đánh giá, rà soát toàn bộ các kế hoạch trong năm học của tổ, đối chiếu các chỉ tiêu đề ra đầu năm để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp và báo cáo kết quả thực hiện về lãnh đạo nhà trường **[H1-1.4-10]**.

1.3. Mức 3

a) Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường, như có giáo viên đạt GV dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, kết quả giảng dạy của GV trong các tổ chuyên môn đều đạt chỉ tiêu đề ra, tỷ lệ yếu kém không vượt quá 2%, tỷ lệ học sinh khá-giỏi đạt cao, tỷ lệ học sinh tuyển sinh vào lớp 10 hằng năm đạt từ 80% trở lên. Các tổ chuyên môn thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, công tác bồi dưỡng học sinh tham gia các phong trào, hội thi,... trong 05 năm qua có học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi và cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh [**H1-1.4-11**].

b) Các chuyên đề chuyên môn đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường nhưng vẫn chưa nhiều và chưa đồng đều giữa các tổ [**H1-1.4-09**]. Việc kiểm tra sau khi tổ chức chuyên đề chưa được tất cả các tổ quan tâm, việc vận dụng chuyên đề giữa các giáo viên chưa đồng đều, số lượng và chất lượng đạt giải các kỳ thi hằng năm chưa bền vững.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng phù hợp với quy mô số lớp, điều kiện thực tế; Có 03 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng, tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo quy định, có kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hàng tháng; Các chuyên đề của tổ chuyên môn đã góp phần hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, cũng như thành tích chung của GV và HS.

Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch tổ chức và thực hiện các chuyên đề chuyên môn đáp ứng được nhu cầu của nhà trường. Việc tổ chức các chuyên đề đã góp phần từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của tổ nói riêng và của nhà trường nói chung. Tổ văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ đã giúp các hoạt động của nhà trường được tiến hành đồng bộ và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Tổ chuyên môn còn ghép nhiều môn gây khó khăn trong sinh hoạt chuyên môn. Tổ chuyên môn chưa dành nhiều thời gian để giải quyết nội dung chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt của tổ, một số tổ chuyên môn thiếu sự kiểm tra việc vận dụng chuyên đề vào giảng dạy theo hướng tích cực hoạt động của học sinh, việc vận dụng chuyên đề chưa đồng bộ giữa các giáo viên, số lượng và chất lượng đạt giải các kỳ thi hằng năm chưa bền vững. Tổ văn phòng gồm nhiều chuyên môn khác nhau nên công tác kiểm tra, giám sát của Tổ trưởng văn phòng chưa sâu sát.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, nhà trường sắp xếp thời khóa biểu tạo điều kiện cho GV tham gia sinh hoạt tổ chuyên môn đúng theo quy định. Phó Hiệu trưởng có kế

hoạch cụ thể cho nhóm chuyên môn, nhóm ghép chuyên môn đi sâu trao đổi chuyên môn. Phó hiệu trưởng tham mưu Hiệu trưởng tăng cường công tác kiểm tra, nhắc nhở các tổ chuyên môn sau khi tổ chức chuyên đề, tổ chuyên môn tổ chức kiểm tra việc vận dụng chuyên đề vào giảng dạy của giáo viên bằng việc kiểm tra công tác soạn giảng, dự giờ, trao đổi chuyên môn. Tập trung đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chuyên đề trong các lần sinh hoạt tổ để hỗ trợ các giáo viên gặp khó khăn trong việc thực hiện chuyên đề.

Tiếp tục tạo điều kiện cho các đồng chí tổ trưởng, tổ phó chuyên môn tham dự đầy đủ các buổi hội thảo do hội đồng bộ môn của Huyện, của Tỉnh tổ chức; Lập kế hoạch tổ chức đi đến các đơn vị trường tiên tiến trong huyện, ngoài huyện để học hỏi kinh nghiệm trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn. Từ năm học 2023-2024, Hiệu trưởng sắp xếp tham gia dự buổi sinh hoạt với tổ văn phòng để có chỉ đạo sát sao công việc cho từng nhân viên nhằm hỗ trợ cho tổ trưởng văn phòng giám sát, kiểm tra tổ viên hàng tháng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5: Lớp học

Mức 1

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

- a) Nhà trường có đủ các khối lớp từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 [**H1-1.5-01**].
- b) Năm học 2023-2024, Trường Trung học cơ sở Tân Phước có 09 lớp (khối 6: 3 lớp, khối 7: 2 lớp, khối 8: 2 lớp, khối 9: 2 lớp). Mỗi lớp học có lớp trưởng và các lớp phó do học sinh ứng cử hoặc giáo viên chủ nhiệm giới thiệu, được học sinh trong lớp bầu chọn vào đầu mỗi năm học hoặc sau mỗi học kỳ. Mỗi lớp học được

chia thành nhiều tổ học sinh; mỗi tổ học sinh có tổ trưởng và tổ phó do học sinh ứng cử hoặc giáo viên chủ nhiệm giới thiệu, được học sinh trong tổ bầu chọn vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02].

c) Mỗi lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ trong mọi hoạt động, các buổi hoạt động ngoài giờ lên lớp. Ban cán sự lớp do tập thể giới thiệu và bầu ra với sự quản lý và chỉ đạo của GVCN, hàng tuần ban cán sự lớp triển khai tổng kết các hoạt động trong tuần của lớp, điều khiển hoạt động ngoài giờ lên lớp và tham mưu với GVCN tổ chức các hoạt động cho tuần học tiếp theo [H1-1.5-03]. Tuy nhiên việc bình bầu lớp trưởng, lớp phó cũng còn những hạn chế như học sinh thường giới thiệu những em từng làm cán bộ lớp dưới hoặc những em trong nhóm mình thích mà chưa thật sự coi trọng đến việc hiệu quả quản lý, xây dựng tập thể tốt hơn.

1.2. Mức 2

Năm học 2023-2024, Trường có tổng số lớp là 09 với 324 học sinh, bình quân 36 học sinh/lớp. Số học sinh của lớp đông nhất là 43 học sinh, lớp ít nhất là 30 học sinh, cụ thể: khối 6: 03 lớp có 114 học sinh (6A1: 37 học sinh; 6A2: 38 học sinh; 6A3: 39 học sinh); khối 7: 02 lớp có 66 học sinh (7A1: 34 học sinh; 7A2: 32 học sinh); khối 8: 02 lớp có 61 học sinh (8A1: 30 học sinh; 8A2: 31 học sinh); khối 9: 02 lớp có 83 học sinh (9A1: 43 học sinh; 9A2: 40 học sinh) [H1-1.5-04].

1.3. Mức 3

Nội hàm này mô tả tại Mức 2

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu tổ chức lớp học và số lượng học sinh trong mỗi lớp phù hợp, mỗi lớp đều có đầy đủ ban cán sự, phân chia các tổ theo qui định. Lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Địa điểm của nhà trường tọa lạc cạnh tuyến đường ĐT842 thuận tiện cho việc đi lại, học tập của học sinh.

3. Điểm yếu

Việc bầu chọn lớp trưởng, lớp phó cũng còn những hạn chế như học sinh thường giới thiệu những em từng làm lớp trưởng, lớp phó ở các lớp dưới hoặc những em trong nhóm mình thích mà chưa thật sự coi trọng đến năng lực quản lý điều hành các hoạt động của lớp đạt hiệu quả. Nhà trường hiện nay vẫn có lớp bố trí hơn 40 em học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, Hiệu trưởng hướng dẫn, tư vấn cho giáo viên chủ nhiệm về phương thức bình chọn cán bộ lớp một cách khách quan, dân chủ, thực tế để chọn lựa đúng những học sinh có năng lực để quản lý lớp tốt hơn trong những

năm học tiếp theo. Tiếp tục phát huy công tác tổ chức lớp học, phân chia số lượng mỗi lớp không quá 40 học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2

- a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục theo Điều 21 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT bao gồm: Sổ đăng bộ; Học bạ học sinh; Sổ theo dõi và đánh giá học sinh; Kế hoạch giáo dục của nhà trường; Sổ ghi đầu bài; Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; Hồ sơ quản lý thiết bị giáo dục, thư viện; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính; Hồ sơ kiểm tra, đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên; Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh; Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh; Hồ sơ phổ cập giáo dục. Tất cả các hồ sơ, văn bản của nhà trường đều được các bộ phận phụ trách thực hiện lưu trữ và cập nhật hồ sơ một cách khoa học theo từng công việc cụ thể theo quy định của Luật lưu trữ **[H1-1.6-01]**.

b) Hằng năm, sau khi có quyết định giao dự toán phân bổ kinh phí của UBND huyện Tân Hồng và căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, Hiệu trưởng chỉ

đạo kế toán lập kế hoạch dự toán thu chi vào đầu năm hành chính trình cấp trên phê duyệt và công khai trong hội đồng sư phạm nhà trường **[H1-1.6-02]**. Hằng quý sau khi báo cáo quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhà trường đều có chỉ đạo Kế toán thực hiện niêm yết công khai tình hình thu chi, thống kê báo cáo tài sản, tài chính của nhà trường tại bảng thông báo của trường và qua hộp thư điện tử (email) của từng CBQL-GV-NV trong đơn vị; hằng năm nhà trường đều có thực hiện công tác kiểm tra nội bộ về công tác tài chính, tài sản **[H1-1.6-03]**. Nhà trường xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ phù hợp tình hình các nguồn tài chính của đơn vị, quy chế được thông qua Hội nghị viên chức đầu năm học và có hiệu lực sau khi đã thống nhất trong Hội nghị viên chức. Khi có phát sinh những vấn đề mới về công tác tài chính, nhà trường đều có bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành đồng thời có thông qua hội đồng sư phạm nhà trường trước khi thực hiện **[H1-1.6-04]**.

c) Nhà trường thực hiện quản lý, sử dụng tài chính, tài sản theo các văn bản của các cấp quy định và Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng hằng năm ở đơn vị. Tất cả tài sản công giao cho đơn vị quản lý, đơn vị đều có phân công từng cá nhân phụ trách chịu trách nhiệm quản lý và Kế toán có mở sổ sách, lập hồ sơ tài sản để theo dõi tài sản theo quy định của Luật Quản lý sử dụng tài sản công và chế độ kế toán thống kê hiện hành **[H1-1.6-05]**. Hằng năm, chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày được đơn vị dự toán cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quyết toán, nhà trường thực hiện việc công khai dự toán thu, chi, quyết toán kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng hình thức niêm yết tại bảng thông báo đồng thời công bố trong hội nghị viên chức và người lao động để toàn thể thành viên trong nhà trường giám sát, đóng góp ý kiến. Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản tiết kiệm, đúng mục đích. Hằng năm đều dành phần kinh phí để bổ sung thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đáp ứng tốt nhu cầu về cơ sở vật chất; trang thiết bị dạy học cho giáo viên và học sinh; tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đồng thời cuối năm tài chính dành một phần kinh phí chi thu nhập tăng thêm cho CBQL, GV, NV **[H1-1.6-06]**.

1.2. Mức 2

a) Trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường luôn ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ được thuận lợi và hiệu quả. Hiện nay, nhà trường đang sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành (idesk); phần mềm quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ; phần mềm thư viện, phần mềm PMIS

online; phần mềm quản lý điểm Vnedu; cơ sở dữ liệu để quản lý hành chính; Nhà trường có sử dụng phần mềm kế toán Misa để quản lý tài chính và tài sản nhà trường; phần mềm cảnh báo rủi ro để kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí trong đơn vị; phần mềm quản lý thiết bị để thực hiện công tác quản lý thiết bị của nhà trường. Nhà trường có xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong từng năm học và giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. **[H1-1.6-07]**. Tuy nhiên, phần mềm quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ hiệu quả chưa cao do phần mềm chỉ cập nhật danh sách học sinh nhận bằng còn bằng tốt nghiệp học sinh phải đến nhận trực tiếp tại trường.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản **[H1-1.6-03]**; **[H1-1.6-08]**. Tuy nhiên, trong 05 năm qua, nhà trường chưa được Phòng GDĐT hoặc UBND huyện hoặc cấp trên kiểm tra về quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

1.3. Mức 3

Hàng năm, Trường đều có xây dựng dự toán về việc sử dụng nguồn kinh phí ngân sách cấp và các nguồn thu học phí, căngtin vào việc thanh toán tiền lương, thanh toán công tác phí, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho CBQL, GV, NV, mua sắm trang thiết bị dạy học, sửa chữa CSVC trong đơn vị. Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương do điều kiện kinh tế của người dân, địa phương còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản, được lưu trữ theo quy định.

Công tác lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa xây dựng được kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Hiệu quả sử dụng phần mềm quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, nhà trường tổ chức họp Hội đồng trường để đưa ra chủ trương xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Nhà trường sẽ tăng cường tạo điều kiện cho nhân viên quản lý văn bằng, chứng chỉ tham dự các lớp tập huấn sử dụng phần mềm quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ do ngành giáo dục phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL-GV-NV. Nội dung bồi dưỡng bao gồm bồi dưỡng về trình độ lý luận chính trị (đối tượng là GV được quy hoạch là CBQL kế cận), bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp (đối tượng là GV được quy hoạch là CBQL, GV, NV), bồi dưỡng công tác tư vấn, công tác y tế, cán bộ quản lý, công tác quản lý tài sản, tài chính [**H1-1.7-01**].

b) Hàng năm nhà trường phân công, sử dụng CBQL-GV-NV (phân công giảng dạy, kiêm nhiệm) rõ ràng, hợp lý, phù hợp với năng lực, đúng trình độ chuyên môn của từng cá nhân và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Trong phân công nhà trường dự thảo trên cơ sở tham khảo ý kiến của tổ trưởng chuyên môn và kết quả giảng dạy của năm học trước và gửi về các tổ chuyên môn để thảo luận, góp ý. Sau khi các tổ chuyên môn đề thảo luận, góp ý, nhà trường tổ chức họp lãnh đạo trường để xem xét, điều chỉnh. Tiếp theo, nhà trường họp toàn thể CBQL-GV-NV để thông qua bảng phân công đồng thời tiếp tục lấy ý kiến, thảo luận đến khi thống nhất.

Việc phân công, sử dụng CBQL-GV-NV hợp lý nên các hoạt động của nhà trường thuận lợi, đảm bảo hiệu quả [H1-1.7-02].

c) CBQL-GV-NV của trường được nhà trường phân công các nhiệm vụ kiêm nhiệm phù hợp với năng lực, sở trường của từng cá nhân, được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh, được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được tham gia ý kiến các chủ trương của nhà trường, các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, quy chế chuyên môn, quy chế hoạt động của nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch nguồn cán bộ quản lý của đơn vị trong từng năm học, tham gia các cuộc họp xét khen thưởng và kỷ luật có liên quan đến HS mình. Nhà trường luôn đảm bảo cho CBQL-GV-NV được hưởng về quyền lợi vật chất và tinh thần theo các chế độ chính sách quy định. CBQL-GV-NV được hưởng lương và phụ cấp khi tham dự các lớp chuyên môn nghiệp vụ, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể, được thực hiện các quyền theo qui định tại Điều lệ trường Trung học [H1-1.7-03].

1.2. Mức 2

Để phát huy năng lực của CBQL-GV-NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, nhà trường luôn quan tâm, áp dụng nhiều biện pháp để phát hiện và bồi dưỡng CBQL-GV-NV có năng lực. Tạo điều kiện cho quý thầy cô này tham gia nhiều lớp tập huấn, tự học; cung cấp trang thiết bị để GV ứng dụng hiệu quả CNTT phát huy năng lực và mở nhiều chuyên đề để CBQL-GV chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, thực hiện phân công chuyên môn và các nhiệm vụ kiêm nhiệm phù hợp với năng lực, sở trường của cán bộ, GV, nhân viên để họ có thể phát huy hết khả năng của bản thân [H1-1.7-02]; động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để CBQL-GV-NV tham gia học tập, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-01]; làm tốt công tác thi đua khen thưởng; công tác đánh giá, xếp loại trong nhà trường [H1-1.2-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL-GV-NV. Phân công, sử dụng CBQL-GV-NV hợp lý, phù hợp với điều kiện nhà trường, phù hợp với năng lực, phù hợp hoàn cảnh cá nhân. Tất cả CBQL-GV-NV được hưởng quyền lợi theo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên công tác lâu năm có ý nghĩ an phận với nhiệm vụ không muốn phấn đấu tiếp tục nên việc tham gia học tập chuyên môn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tăng cường công tác vận động tuyên truyền giáo viên có kế hoạch học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để cống hiến cho trường tốt hơn nữa đồng thời phân công các tổ trưởng chuyên môn, các giáo viên có kinh nghiệm hỗ trợ giúp đỡ hay đưa đi học tập bồi dưỡng để nâng cao tay nghề sẵn sàng đảm đương nhiệm vụ tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục phù hợp với hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành GDĐT huyện Tân Hồng, điều kiện thực tế địa phương xã Tân Phước và điều kiện của nhà trường, như: Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018 đối với lớp 6, lớp 7; tiếp tục thực hiện CTGDPT 2006 đối với lớp 8, lớp 9, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Các nội dung chính của hoạt động giáo dục bao gồm: Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khoá về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh; ứng dụng CNTT đổi mới phương pháp dạy và học; tổ chức quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng

sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa phù hợp với điều kiện của nhà trường **[H1-1.8-01]**.

b) Ngay từ đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục và triển khai đến tổ bộ môn, từng giáo viên, nhân viên bằng hình thức họp HĐSP nhà trường, gửi qua email của CBQL-GV-NV. Các tổ bộ môn căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch giáo dục của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động cho tổ chuyên môn theo quy định. Căn cứ vào đó, GV xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân và thực hiện tốt kế hoạch đã phê duyệt.

Giáo viên chủ động thiết kế bài giảng linh hoạt, khoa học, sắp xếp hợp lí các hoạt động của giáo viên và học sinh, sắp xếp lại các tiết học trong sách giáo khoa thành một số bài học theo chủ đề, nhằm tiết kiệm thời gian và tạo thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và theo nhóm; Chú trọng giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội thực hành pháp luật; Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học, giáo dục giá trị, kỹ năng sống; văn hóa giao thông cho học sinh; Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục NGLL, hoạt động ngoại khóa chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm sáng tạo **[H1-1.8-02]**. Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch giảng dạy các môn học có lúc chưa đúng tiến độ do một số GV bận đi công tác, đi tập huấn chuyên môn theo văn bản điều động của Phòng GD-ĐT, của Sở GD-ĐT.

c) Trong quá trình chỉ đạo thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường, Nhà trường thường xuyên kiểm tra các kế hoạch giảng dạy theo phân công chuyên môn, thời khóa biểu, theo dõi sổ ghi đầu bài để nhắc nhở giáo viên có kế hoạch thực hiện đúng kế hoạch dạy học đã được phê duyệt **[H1-1.4-11]**.

1.2. Mức 2

Vào đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trong đơn vị và từng học kỳ tổ chức kiểm tra các tổ chuyên môn, GV và các bộ phận trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo các kế hoạch của nhà trường được thực thi đúng tiến độ và hiệu quả **[H1-1.8-03]**. Cuối học kỳ và cuối năm đều có báo cáo kết quả thực hiện đến HĐSP nhà trường và gửi qua email toàn thể CBQ-GV-NV được biết để có phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của từng cá nhân, bộ phận cho học kỳ, năm học tiếp theo **[H1-1.8-04]**. Năm học 2019-2020, 2020-2021 và 2021-2022 Trường được Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng công nhận tập thể lao động Tiên tiến, năm học 2021-2022 được tặng bằng khen của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp **[H1-1.8-05]**.

Trong các năm qua nhà trường không tổ chức hoạt động dạy thêm học thêm.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng các kế hoạch giáo dục phù hợp với qui định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được triển khai thực hiện đầy đủ, đạt hiệu quả. Kế hoạch kiểm tra nội bộ rõ ràng, có chỉ tiêu cụ thể, có thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm tra đối với các hoạt động giáo dục, các loại hồ sơ sổ sách, việc thực hiện chương trình, quy chế chuyên môn. Có tổ chức rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các kế hoạch và xây dựng các giải pháp thực hiện, hàng năm đều đạt các chỉ tiêu đề ra và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện kế hoạch giảng dạy các môn học có lúc chưa đúng tiến độ do một số GV bận đi công tác, đi tập huấn chuyên môn theo văn bản điều động của Phòng GD-ĐT, của Sở GD-ĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện xây dựng kế hoạch cụ thể bám sát chỉ đạo của các cấp quản lý, phù hợp với tình hình thực tế, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Phó Hiệu trưởng chủ động và kịp thời sắp xếp thời khóa biểu, theo dõi việc dạy bù của GV khi có điều động đi công tác để đảm bảo đúng chương trình, đúng kế hoạch thời gian năm học theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng phối hợp với Công đoàn trường tổ chức hội nghị viên chức và người lao động. Trước khi tổ chức hội nghị, Hiệu trưởng, Công đoàn và các bộ phận trong nhà trường soạn thảo các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế hoạt động của nhà trường để triển khai đến các tổ chuyên môn họp thảo luận, đóng góp ý kiến những vấn đề liên quan đến trách nhiệm, nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên nhà trường. Các ý kiến, kiến nghị của giáo viên, nhân viên được Hiệu trưởng, Công đoàn và các bộ phận có liên quan thảo luận giải trình thông qua cuộc họp trú bị và sau đó tiến hành tổ chức Hội nghị viên chức và người lao động, các ý kiến đóng góp được giải trình và được toàn thể CBQL-GV-NV trường thống nhất thực hiện ngay đầu năm học [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]. Mọi chủ trương, chính sách, chế độ có liên quan đến CBQL-GV-NV trước khi ban hành đều lấy ý kiến của tập thể và công khai trong toàn hội đồng sư phạm, các ý kiến đóng góp đều được lãnh đạo trường tiếp thu và ghi nhận, có bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thực hiện [H1-1.9-03]. Tuy nhiên, một số GV-NV ít tham gia phát biểu ý kiến hoặc không có ý kiến đóng góp khi xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường do ít nghiên cứu các văn bản.

b) Hằng năm, nhà trường có tiếp nhận một vài kiến nghị của CBQL-GV-NV, HS và CMHS về chế độ chính sách, về phân công chuyên môn, việc sắp xếp lớp học, về công tác thi đua khen thưởng. Tất cả các kiến nghị đều được nhà trường giải đáp kịp thời, thỏa đáng đã tạo niềm tin cho tất cả CBQL-GV-NV, HS và CMHS trong nhà trường [H1-1.9-04].

c) Hằng năm, trong hội nghị viên chức và người lao động nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở để đánh giá lại những mặt đã làm được, đồng thời khắc phục những mặt còn hạn chế [H1-1.9-05]. Ngoài ra, theo yêu cầu của Phòng Nội vụ huyện Tân Hồng, Trường đã thực hiện báo cáo kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở 06 tháng đầu năm, cuối năm tài chính [H1-1.9-06].

1.2. Mức 2

Ban thanh tra nhân dân làm tốt công tác giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động đảm bảo nghiêm túc, triệt để, có kế hoạch hoạt động hàng năm. Khi có vấn đề xảy ra, ban thanh tra nhân dân tổ chức thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin phản ánh từ các nguồn do GV, NV phản ánh trực tiếp; qua hòm thư góp ý về các nội dung trong phạm vi giám sát; qua nghiên cứu văn bản tài liệu liên quan đến nội dung giám sát do người đứng đầu cung cấp. Từ đó tổng hợp, phân tích đối chiếu với các quy định pháp luật, quy định, quy chế nội bộ để đánh

giá việc thực hiện; đề xuất kiến nghị với người đứng đầu cơ quan xem xét giải quyết theo đúng trình tự quy định pháp luật [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở. CBQL-GV-NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết kịp thời và đúng pháp luật.

Hàng năm, Trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Còn một số GV-NV ít tham gia phát biểu ý kiến hoặc không có ý kiến đóng góp khi xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, Nhà trường tạo điều kiện và khuyến khích GV-NV nghiên cứu các văn bản và bố trí thời gian hợp lý để GV-NV tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp vào các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hằng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của ngành, của các cấp quản lý, nhà trường thực hiện xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07].

b) Nhà trường có bố trí hộp thư góp ý được đặt phía trước Văn phòng; có niêm yết đường dây nóng là số điện thoại của Hiệu trưởng và email của trường để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-08].

Nhà trường có Kế hoạch phối hợp với Công an xã Tân Phước thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và an toàn xã hội [H1-1.10-09]. Nhà trường có cổng, hàng rào kiên cố bao quanh chắc chắn, hệ thống dây điện, quạt, đèn, bàn ghế, ... được nhà trường kịp thời kiểm tra, sửa chữa khi có hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh, CBQL-GV-NV [H1-1.10-10]. Hệ thống cây xanh được quan tâm cắt tỉa vào đầu năm học, trước mùa mưa và khi có dấu hiệu không an toàn [H1-1.10-11]. Hằng năm, nhà trường được Ủy ban nhân dân xã Tân Phước công nhận trường đạt chuẩn An toàn về an ninh trật tự [H1-1.10-12].

c) Hằng năm, nhà trường đều có Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới” cho tất cả CBQL-GV-NV và học sinh toàn trường, thường xuyên tuyên truyền về bình đẳng giới, về bạo lực học đường thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ hoặc các buổi ngoại khóa về giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên. Vì thế, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-13].

1.2. Mức 2

a) CBQL-GV-NV và HS được phổ biến, hướng dẫn các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm, họp liên tịch, trong các tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm, các buổi ngoại khóa, trong các buổi giáo dục kỹ năng sống trong hè [H1-1.7-03]. Tuy nhiên, còn học sinh chưa tiếp thu đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học do các em còn vắng trong các lần triển khai.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập thông tin về bạo lực học đường, an toàn trật tự thông qua nhiều kênh như hòm thư góp ý, đường dây nóng, email của trường, nắm bắt thông tin từ học sinh và phụ huynh học sinh, từ các bộ phận theo dõi của trường như giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, cùng với các tổ chức đoàn, đội để ngăn chặn các sự việc xảy ra. Khi phát hiện vụ việc liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự,... thì giáo viên Tổng phụ trách Đội phối hợp với GVCN làm việc trực tiếp với HS để kịp thời chấn chỉnh, nếu xảy ra vấn đề lớn ngoài khả năng thì báo cáo cho Hiệu trưởng để phối hợp với phụ huynh học sinh và các lực lượng khác để giải quyết; xử lý đúng theo quy định của ngành, nội quy của nhà trường nhằm mục đích tạo điều kiện cho các em sửa chữa khuyết điểm, tiếp tục rèn luyện và phấn đấu trở thành người tốt [H1-1.10-14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các lực lượng an ninh trong và ngoài nhà trường, đặc biệt là Công an địa phương, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời. Làm tốt công tác phòng ngừa ngăn chặn và xử lý những vi phạm của HS. HS có ý thức thực hiện góp phần đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong trường học. Nhà trường có cổng, hàng rào kiên cố bao quanh chắc chắn, hệ thống dây điện, quạt, đèn, bàn ghế,... được nhà trường kịp thời kiểm tra, sửa chữa khi có hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh, CBQL-GV-NV. Hệ thống cây xanh được quan tâm cắt tỉa vào đầu năm học, trước mùa mưa và khi có dấu hiệu không an toàn. Hàng năm, nhà trường được Ủy ban nhân dân xã Tân Phước công nhận trường đạt chuẩn An toàn về an ninh trật tự. Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới hay bạo lực trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Còn học sinh chưa tiếp thu đầy đủ các phương án, nguyên nhân do các em còn vắng trong các lần triển khai.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, ngoài việc triển khai các phương án vào các lần tập trung học sinh dưới cờ, Hiệu trưởng chỉ đạo GVCN triển khai đến học sinh thông qua các lần SHCN, hoạt động NGLL để toàn thể học sinh được biết, thực hiện tốt các phương án.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

*** Điểm mạnh:**

Nhà trường có xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2022- 2027 và tầm nhìn đến năm 2030.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà trường, các hội đồng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các đoàn thể được tổ chức đầy đủ và đúng quy định của Điều lệ trường trung học.

Nhà trường đã triển khai đầy đủ các hoạt động theo quy định, lập kế hoạch cụ thể, khoa học, bám sát chỉ đạo của các cấp quản lý, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có chất lượng, theo dõi chi tiết, có đánh giá xếp loại và điều chỉnh hợp lý.

Trong 05 năm qua chi bộ được Đảng bộ xã Tân Phước đánh giá xếp loại đạt 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý tài chính theo quy định, có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, được thực hiện công khai, đảm bảo quyền lợi, chế độ cho CBQL-GV-NV và HS.

Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo khách quan, công bằng, có tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

*** Điểm yếu:**

Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa có sự tham gia của chưa có sự tham gia của CMHS và cộng đồng xã hội.

Tổ chuyên môn còn ghép nhiều môn gây khó khăn trong sinh hoạt chuyên môn.

Trường chưa xây dựng được kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ CBQL-GV-NV trong nhà trường là lực lượng giáo dục quan trọng có tính chất quyết định hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường. Trường có đội ngũ CBQL-GV-NV đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định. Tập thể CBQL-GV-NV nhà trường gồm 02 CBQL, 16 giáo viên và 05 nhân viên đều có trình độ chuẩn. Số lượng học sinh hàng năm của nhà trường biến động trong khoảng từ 280 đến 330 học sinh, số lớp từ 08 đến 09 lớp, bình quân 34,7 học sinh/lớp.

Các CBQL có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy, tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Số lượng GV-NV của trường đảm bảo yêu cầu quy định và đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Nhiều giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, có uy tín đối với học sinh, nhân dân địa phương. Nội bộ nhà trường đoàn kết, đồng thuận cao và không ngừng phát triển. Tập thể CBQL-GV-NV trong trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Hàng năm CBQL được Phòng GDĐT, GV được nhà trường nhận xét, đánh giá chuẩn nghề nghiệp xếp loại từ đạt trở lên. Học sinh của nhà trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Trường còn thiếu 01 giáo viên giảng dạy bộ môn Tin học và 01 nhân viên phụ trách công tác thiết bị.

Tiêu chí 1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hiệu trưởng đã có bằng Đại học sư phạm Toán, Đại học quản lý giáo dục, có bằng Trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-01]; Phó Hiệu trưởng có bằng Đại học Sư phạm Ngữ văn, đã qua lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, có chứng nhận Sơ cấp lý luận chính trị đang theo học lớp Trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-02]. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã có thời gian dạy học trên 05 năm, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và chuyên môn, nghiệp vụ tốt, có năng lực quản lý [H2-2.1-03]; đảm bảo sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp [H2-2.1-04].

b) Trong 5 năm qua, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Hồng đánh giá đạt chuẩn loại khá theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn đạt mức Tốt [H2-2.1-05].

c) Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Hiệu trưởng có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán [H2-2.1-06]; Phó Hiệu trưởng có chứng chỉ hoàn thành khóa bồi dưỡng chuyên môn và cán bộ quản lý theo quy định [H2-2.1-07].

1.2. Mức 2

a) Nội hàm này mô tả tại Chi báo b Mức 1.

b) Hiệu trưởng có bằng Trung cấp Lý luận chính trị [H2-2.1-01], Phó hiệu trưởng đang theo học lớp Trung cấp Lý luận Chính trị [H2-2.1-02]. Hằng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo từng chuyên đề, tham gia học các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các chuyên đề về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh [H2-2.1-08]. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm thông qua biên bản ý kiến đóng góp về công tác quản lý, điều hành của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng vào cuối năm học [H2-2.1-09].

1.3. Mức 3

Nội hàm này mô tả tại Chi báo b Mức 1.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định đối với chuẩn Hiệu trưởng. Trong 05 năm liên tiếp, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được Phòng GDĐT đánh giá chuẩn đạt loại Khá trở lên. Hiệu trưởng và Phó Hiệu

trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, Lý luận chính trị theo quy định. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường luôn được sự tin nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và trong công việc của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng chưa thành thạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ; bồi dưỡng thêm năng lực ngoại ngữ để ngày càng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên nhà trường đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Năm học 2022-2023 nhà trường có 16 giáo viên, đạt tỷ lệ 1,88 GV/lớp. Cụ thể giáo viên từng bộ môn như sau: môn Ngữ Văn: 01 GV; môn Lịch sử-GDCD: 02 GV; môn Địa lí: 01 GV; môn Toán: 03 GV (trong đó có 02 GV Toán-Tin học); Môn Hóa-Sinh: 01 GV; môn Sinh học-Công nghệ: 01 GV; môn Vật lý: 01 GV; môn Vật lý-Công nghệ: 01 GV (trong đó phân công giảng dạy môn Công nghệ và làm TPT Đội); môn Giáo dục thể chất: 01 GV; môn Âm nhạc: 01 GV; môn Mĩ thuật: 01 GV; môn tiếng Anh: 02 GV [**H1-1.7-02**].

b) Tất cả giáo viên toàn trường 16/16 giáo viên đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ cao đẳng sư phạm trở lên, trong đó có 14/16 giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đại học sư phạm (tỷ lệ 87,5%) [**H2-2.2-01**].

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp của giáo viên theo Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở. Kết quả: Năm học 2018 – 2019: có 18 giáo viên. Loại khá: 10 giáo viên, tỉ lệ 55,6%. Loại đạt: 08 giáo viên, tỉ lệ 44,4%; Năm học 2019 – 2020: có 17 giáo viên. Loại khá: 16 giáo viên, tỉ lệ 94,1%. Loại đạt: 01 giáo viên, tỉ lệ 5,9%; Năm học 2020 – 2021: có 15 giáo viên. Loại khá: 13 giáo viên, tỉ lệ 86,7%. Loại đạt: 02 giáo viên, tỉ lệ 13,3%; Năm học 2021 – 2022: có 14 giáo viên. Loại khá: 11 giáo viên, tỉ lệ 78,6%. Loại đạt: 03 giáo viên, tỉ lệ 21,4%; Năm học 2022 – 2023: có 16 giáo viên. Loại Tốt: 01 giáo viên, tỉ lệ 6,3%. Loại khá: 14 giáo viên, tỉ lệ 87,5%. Loại đạt: 01 giáo viên, tỉ lệ 6,3% [**H2-2.2-02**].

1.2. Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định, có 14/16 (tỷ lệ 87,5%) giáo viên đạt chuẩn trình độ đại học sư phạm, 02/16 giáo viên đạt trình độ cao đẳng sư phạm (tỷ lệ 12,5%) [**H2-2.2-01**].

b) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo c Mức 1.

c) Giáo viên của trường đều có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, và định hướng phân luồng học sinh [**H2-2.2-03**]. Hằng năm có ít nhất 03 giáo viên hướng dẫn ít nhất 03 học sinh tham gia hội thi khoa học kỹ thuật

các cấp [H2-2.2-04]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật.

1.3. Mức 3

a) Nội hàm này mô tả tại Chi báo c Mức 1.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên của trường đều có sáng kiến kinh nghiệm UBND huyện công nhận [H2-2.2-05], chưa có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Trình độ chuyên môn của GV đạt chuẩn. Có 100% GV xếp loại đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên, trong đó có 81,3% xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên. GV có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, định hướng phân luồng HS và hướng dẫn HS tham gia hội thi khoa học kỹ thuật các cấp. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Còn 02 giáo viên có trình độ cao đẳng sư phạm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, còn 18,7% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, chưa có giáo viên báo cáo nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 Hiệu trưởng tạo điều kiện để giáo viên có trình độ cao đẳng tham gia học đại học để đảm bảo chuẩn mới theo quy định. Những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ kinh phí, khuyến khích giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, từng bước nâng chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức khá 100%.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có 05 nhân viên (trong đó có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế và thủ quỹ, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên văn thư và 01 nhân viên bảo vệ), đang thiếu 01 nhân viên phụ trách công tác thiết bị trường học. Tuy nhiên, Trường có phân công 01 giáo viên giảng dạy bộ môn Lịch sử kiêm nhiệm công tác thiết bị trường học và 01 giáo viên giảng dạy môn Tin học phụ trách Công nghệ thông tin trong nhà trường [H1-1.7-02].

b) Nhân viên của nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực. Nhiệm vụ cụ thể từng nhân viên: **Nhân viên Kế toán:** Tham mưu cho Hiệu trưởng quản lý tất các nguồn tài chính, tài sản. Lập dự trù các khoản kinh phí theo các văn bản hướng dẫn; Quản lý hồ sơ, chứng từ kế toán theo đúng văn bản hướng dẫn về công tác tài chính; Giải quyết kịp thời, linh hoạt, chính xác các khoản thu, chi và các chế độ, chính sách cho công chức, viên chức; Thực hiện công khai các nguồn tài chính của đơn vị thông qua họp toàn thể hội đồng sư phạm hoặc bằng niêm yết văn bản định kỳ tháng, quý, năm; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công. **Nhân viên Văn thư:** Thực hiện soạn thảo văn bản, lưu trữ hồ sơ, công văn đi, đến đúng các văn bản hướng dẫn về công tác văn thư lưu trữ; Thực hiện quản lý con dấu trường, thực hiện nhận và gửi thư tín, bưu phẩm đến và đi đúng thủ tục và quy định; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công. **Nhân viên Y tế trường học – Thủ quỹ:** Thực hiện kế hoạch hoạt động công tác y tế trường học đúng các văn bản quy định của ngành giáo dục và ngành y tế; Thực hiện việc sơ cấp cứu ban đầu, xử lý các trường hợp tai nạn của học sinh đảm bảo kịp thời; Thực hiện ghi chép, quản lý, sắp xếp các loại hồ sơ, sổ sách y tế trường học rõ ràng, khoa học, gọn gàng; Giúp Hiệu trưởng quản lý tài chính tất cả các nguồn quỹ trong nhà trường theo các văn bản tài chính hiện hành; Thực hiện cấp, phát, thu, chi kinh phí cho cá nhân, bộ phận kịp thời, chính xác khi có ký duyệt của Hiệu trưởng; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công. **Nhân viên thư viện:** Quản lý các loại sách

giáo khoa, sách tham khảo, sách nghiệp vụ theo đúng quy định các văn bản hướng dẫn về nghiệp vụ công tác thư viện; Kịp thời thông báo, cung cấp các loại sách, báo cho công chức, viên chức và học sinh trong đơn vị biết những tài liệu, sách mới để thuận tiện cho việc học tập, nghiên cứu; Đề xuất Hiệu trưởng thực hiện kiểm kê định kỳ, báo cáo đầy đủ, kịp thời với Hiệu trưởng về công tác thư viện để có chỉ đạo bổ sung những đầu sách hay phục vụ bạn đọc; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công; **Giáo viên kiêm nhiệm quản lý thiết bị:** Quản lý các loại thiết bị, dụng cụ, đồ dùng dạy học theo đúng quy định các văn bản hướng dẫn về nghiệp vụ công tác thiết bị trường học; Kịp thời thông báo, cung cấp các loại dụng cụ, trang thiết bị cho CBQL-GV-NV và HS trong đơn vị có nhu cầu sử dụng phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu; Đề xuất Hiệu trưởng bổ sung những dụng cụ, trang thiết bị cần thiết, chủ động thực hiện hồ sơ kiểm kê định kỳ, thanh lý những dụng cụ, trang thiết bị, đồ dùng dạy học đã hỏng, không sử dụng được; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công. **Nhân viên Bảo vệ:** Thực hiện nghiêm túc quản lý toàn bộ tài sản, cơ sở vật chất nhà trường, bảo vệ an ninh, an toàn cơ quan, phòng chống cháy nổ trong đơn vị; Thường xuyên chủ động sửa chữa các tài sản hư hỏng nhẹ có thể khắc phục được, đề xuất Hiệu trưởng xem xét cho ý kiến sửa chữa những tài sản hư hỏng lớn hoặc bổ sung trang thiết bị cần thiết để phục vụ tốt cho việc dạy, học; Thực hiện trực công trong giờ học của học sinh, chăm sóc cây kiểng, thực hiện quản lý các công trình vệ sinh, ngủ đêm trực cơ quan; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công. Nhà trường đảm bảo các chế độ, chính sách cho nhân viên theo quy định **[H2-2.3-01]**.

c) Hàng năm, nhà trường đều có đánh giá, xếp loại nhân viên. Tất cả nhân viên đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao **[H1-1.2-05]; [H2-2.3-02]**.

1.2. Mức 2

a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 1.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tất cả các nhân viên của trường đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có nhân viên nào bị kỷ luật **[H2-2.3-02]**.

1.3. Mức 3

a) Các nhân viên của nhà trường đều có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Cụ thể: Nhân viên Kế toán có bằng Đại học kế toán; Nhân viên Văn thư có bằng trung cấp văn thư lưu trữ; Nhân viên y tế có bằng điều dưỡng, có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Nhân viên Thư viện có bằng Đại học khoa

học thư viện; giáo viên kiêm nhiệm công tác thiết bị chưa được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thiết bị; giáo viên phụ trách công nghệ thông tin có bằng Cao đẳng sư phạm Toán-Tin học; Nhân viên bảo vệ đã qua lớp bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cơ quan [H2-2.3-03].

b) Hàng năm các nhân viên đều được tham gia tập huấn hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ của mình như: Kế toán tập huấn về nghiệp vụ của kế toán, Thư viện được tập huấn về công tác thư viện, Y tế được tập huấn về y tế học đường, bảo vệ được tập huấn công tác tự vệ cơ quan [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh

Số lượng và cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định. Trình độ nhân viên đảm bảo theo quy định. Chất lượng làm việc của các nhân viên đạt hiệu quả yêu cầu công việc được giao.

3. Điểm yếu

Giáo viên làm công tác kiêm nhiệm công tác thiết bị chưa được tập huấn chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng cử giáo viên kiêm nhiệm công tác thiết bị tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thiết bị. Tiếp tục kiến nghị Phòng GD&ĐT phân bổ về trường nhân viên phụ trách công tác thiết bị trường học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4: Đối với học sinh

Mức 1

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Học sinh của trường đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định tại Điều 33 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không có học sinh đi học trước tuổi **[H2-2.4-01]**.

b) Vào đầu năm học, nhà trường tổ chức tuần lễ “sinh hoạt học đường” để HS học tập nội quy nhà trường, của lớp bằng hình thức sinh hoạt dưới cờ, trong các tiết sinh hoạt tập thể. Đầu và cuối mỗi tuần, HS tham gia sinh hoạt cờ, sinh hoạt lớp để sơ kết phong trào thi đua, sơ kết tình hình thực hiện nội quy của trường, lớp. Đa số học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, các hoạt động giáo dục của nhà trường, thực hiện tốt nội qui của trường, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn bảo vệ tài sản của trường. Tuy nhiên, còn một bộ phận HS thường xuyên vi phạm về nội quy trường, lớp như: không đồng phục, đi trễ, bỏ rác không đúng nơi quy định, không giữ trật tự trong giờ học, mang dép lê, không đeo khăn quàng, không mang phù hiệu, nghỉ học không xin phép, ... **[H2-2.4-02]**.

c) Học sinh nhà trường được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền lợi như: đảm bảo các quyền lợi về CSVN, vệ sinh, an toàn đáp ứng nhu cầu học tập của HS ở trường, lớp và tự học ở nhà; được đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia vào các phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, các hội thi nếu HS có đủ điều kiện; được quyền học, chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với HS có đủ điều kiện hưởng chế độ; được hỗ trợ học bổng, được tham gia các chế độ bảo hiểm theo quy định và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật **[H2-2.4-03]**.

1.2. Mức 2

Nhà trường thành lập Đội Cờ đỏ do giáo viên Tổng phụ trách Đội phân công nhiệm vụ theo dõi nhằm giám sát việc thực hiện nội quy của học sinh, phát hiện kịp thời những học sinh vi phạm các hành vi không được làm. Giáo viên Tổng phụ trách Đội, GVCN sẽ tổng hợp và đưa ra các hình thức giáo dục kịp thời đối với các em vi phạm như nhặt rác, tưới cây trong khuôn viên trường,... nếu vi phạm nhiều lần GVCN sẽ cho viết kiểm điểm, phối hợp với gia đình để có biện pháp xử lý phù hợp. Thông qua các hình thức xử lý này, số lượt học sinh vi phạm giảm dần, các em đã có ý thức tốt hơn trong việc thực hiện nội quy nhà trường **[H2-2.4-04]**.

1.3. Mức 3

Hằng năm, nhà trường có những học sinh đạt những thành tích cao trong học tập, rèn luyện như: tham gia hội thi khoa học kỹ thuật, học sinh giỏi các môn văn hóa khối 9, hội thi hùng biện tiếng Anh, chỉ huy đội giỏi, tham gia các giải thể thao cấp huyện, ... đều được nhà trường tổ chức nêu gương khen thưởng trước cờ

kip thời, góp phần tạo động lực tích cực đến các học sinh khác [H2-2.4-05]. Ngoài ra, đối với những học sinh thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây kiểng trong, nhặt của rơi, ủng hộ kinh phí giúp đỡ bạn khó khăn, ... cũng được nhà trường tuyên dương trước cờ kịp thời nhằm tạo sự lan tỏa đến các em học sinh khác, góp phần giáo dục giá trị chân thiện mỹ cho học sinh toàn trường [H2-2.4-06]. Tuy nhiên số lượng học sinh đạt giải học sinh giỏi các cấp chưa nhiều.

2. Điểm mạnh

Học sinh của trường đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đa số học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, thực hiện tốt nội quy của trường. Học sinh nhà trường được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện nội quy của học sinh, có biện pháp giáo dục phù hợp, có chuyển biến tích cực.

Hằng năm, nhà trường có những học sinh đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện được tổ chức nêu gương khen thưởng kịp thời, góp phần tạo động lực tích cực đến các học sinh khác.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn một bộ phận HS vi phạm về nội quy trường, lớp. Số lượng học sinh đạt giải học sinh giỏi các cấp chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo GVBM quan tâm nhiều hơn đến học sinh trong các tiết dạy do mình phụ trách để theo dõi, uốn nắn các hành vi của học sinh, phát huy vai trò của mình trong việc quản lý học sinh. Tổng phụ trách Đội tuyên truyền sâu rộng nhiệm vụ học sinh dưới cờ hàng tuần, có biện pháp xử lý kịp thời những học sinh vi phạm. Nhà trường tiếp tục phối hợp với CMHS trong công tác giáo dục đạo đức, đặc biệt là đối với những HS thường xuyên vi phạm nội quy trường, lớp.

Nhà trường chú trọng nâng cao vai trò của mọi thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường, đưa nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi vào sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với nhau; thường xuyên trao đổi chuyên môn, học tập kinh nghiệm từ đồng nghiệp có thành tích về bồi dưỡng học sinh giỏi của trường bạn, để vận dụng vào công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

*** Điểm mạnh:**

Cán bộ quản lý đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trình độ quản lý, trình độ lý luận Chính trị. Hằng năm được cấp quản lý giáo dục đánh giá từ loại khá trở lên theo chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.

Số lượng và cơ cấu giáo viên nhà trường đảm bảo để dạy các môn học, đạt chuẩn về trình độ và năng lực theo quy định, hằng năm đều thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được các cấp quản lý đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại đạt trở lên và được đảm bảo các quyền và chế độ chính sách theo quy định.

Nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định.

Nhà trường tuyển sinh HS đảm bảo độ tuổi, đúng qui chế, đúng chỉ tiêu được giao và đúng địa bàn tuyển sinh. Phần lớn HS thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của nhà trường, quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành. Học sinh được đảm bảo các quyền theo qui định.

*** Điểm yếu:**

Chưa có giáo viên báo cáo nghiên cứu khoa học.

Chưa có nhân viên phụ trách công tác thiết bị.

Số lượng học sinh đạt giải học sinh giỏi các cấp chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Tân Phước có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 15.424m², bình quân 47,6 m²/HS, có 10 phòng học, 27 phòng chức năng (khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khối hành chính quản trị). Có các công trình nhà vệ sinh giáo viên, học sinh bố trí hợp lý riêng cho nam, nữ, có đủ nước, ánh sáng; Nhà để xe cho HS được bố trí trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn; Có hệ thống nước máy đảm bảo vệ sinh môi trường, phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh; Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học. Trang thiết bị phục vụ đủ cho hoạt động dạy và học. Thư viện nhà trường đạt chuẩn Thư viện tiên tiến vào năm 2022.

Tiêu chí 1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Khuôn viên nhà trường đảm bảo sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã trồng các loại cây xanh như: cây bàng Đài Loan, cây Phượng Vĩ, cây Kèn Hồng, cây chuông vàng, cây giáng hương, cây muồng hoa đào, cây Hoa giấy, cây mai vàng, cây Bằng lăng Thái. Nhà trường có thuê bảo vệ thường xuyên cắt tỉa hoa kiểng tạo không gian đẹp và thoáng mát cho khuôn viên trường [H3-3.1-01]. Nhà trường tổ chức phân công các lớp luân phiên vệ sinh sân trường thường xuyên, có trang bị thùng rác ở các góc đảm bảo vệ sinh. Việc bố trí sắp xếp trong khuôn viên trường đảm bảo khoa học, đẹp và an toàn [H3-3.1-02]. Tuy nhiên, Trường chưa được công nhận đạt chuẩn xanh - sạch- đẹp.

b) Trường có cổng chính, có một cổng phụ, có biển tên trường được lắp đặt khang trang đúng quy định. Cổng chính của trường tiếp giáp với tỉnh lộ ĐT842 được bao bọc bởi cột bê tông khung sắt kiên cố, ba mặt còn lại tiếp giáp đất ruộng được bao bọc bởi hệ thống cột bê tông lưới B40, đảm bảo tốt về an toàn và an ninh [H3-3.1-03].

c) Nhà trường có khu sân chơi có bồn hoa, có ghế đá, có hệ thống cây xanh đảm bảo vệ sinh và thẩm mỹ [H3-3.1-04]; bãi tập có hố nhảy (có ván dậm, hố lót cát), sân bóng chuyền (nhà trường bố trí cây trụ đứng và lưới), sân bóng đá (nhà trường bố trí hai khung thành và lưới) [H3-3.1-05]; có các thiết bị cần thiết phục vụ học tập thể dục thể thao của học sinh như: bàn đập, bóng ném, xà nhảy, sân cầu lông (nhà trường bố trí cây trụ đứng, lưới; học sinh tự trang bị vợt, cầu), bóng rổ (nhà trường bố trí cây trụ đứng, bóng),... đảm bảo an toàn cho học sinh [H3-3.1-06].

1.2. Mức 2

Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập đáp ứng được yêu cầu để tổ chức cho những hoạt động giáo dục như: Sinh hoạt dưới cờ, tổ chức giảng dạy môn thể dục,

tổ chức hoạt động ngoại khoá, trò chơi dân gian, thể dục thể thao, văn nghệ, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, cắm trại, ... [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05]. Tuy nhiên khu bãi tập có mặt sân là cát nên bị bụi vào mùa nắng, bùn lầy vào mùa mưa gây ảnh hưởng đến sức khỏe học sinh khi tham gia tập luyện.

1.3. Mức 3

Trường có tổng diện tích là 15.424 m², bình quân 47,6 m²/HS. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích 4.500 m², chiếm 29,18% tổng diện tích đất của trường [H3-3.1-07]

2. Điểm mạnh

Trường có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích mặt bằng đảm bảo, có đủ tường rào, cổng, khuôn viên riêng biệt, có đầy đủ các thiết bị tối thiểu, đảm bảo an ninh trật tự. Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Trường chưa được công nhận đạt chuẩn xanh - sạch - đẹp. Bãi tập có mặt sân là cát nên bị bụi vào mùa nắng, bùn lầy vào mùa mưa gây ảnh hưởng đến sức khỏe học sinh khi tham gia tập luyện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng trường xây dựng kế hoạch trồng và chăm sóc cây xanh phát triển nhanh để phủ bóng mát cho sân trường, trồng thêm một số loại hoa kiểng tạo thêm cảnh quan sinh động khuôn viên trường, tăng cường rà soát các tiêu chí để đạt chuẩn trường xanh sạch đẹp. Nhà trường trồng thêm cây xanh, phát hoang bụi rậm, chỉnh sửa mặt bằng khu bãi tập trước khi học sinh tham gia học tập hoặc tập luyện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) *Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có 10 phòng học kiên cố, đảm bảo dạy học cho 09 lớp, đảm bảo học hai ca trong một ngày. Trong mỗi phòng học được trang bị 20 bộ bàn ghế loại 02 chỗ ngồi phù hợp với tầm vóc học sinh; Bàn học sinh có kích thước dài 1,2m, rộng 0,4m, cao 0,7m, ghế học sinh có kích thước: rộng 0,27m, cao 0,45m, khung bàn, ghế bằng sắt, mặt bàn, ghế được làm từ chất liệu gỗ, kiểu dáng, màu sắc phù hợp với lứa tuổi học sinh trung học; Mỗi phòng học có 01 bảng từ chống lóa, 01 bộ bàn ghế giáo viên, 04 bóng đèn dài loại 1,2 mét, 02 quạt trần, 03 quạt treo tường, 01 bảng nội qui phòng học, 01 bảng 05 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng, 01 ảnh Bác, có màn các cửa, lọ hoa trên bàn giáo viên [**H3-3.2-01**].

b) Nhà trường có các phòng học bộ môn đủ theo quy định, bao gồm: Phòng học bộ môn Âm nhạc (01 phòng); Phòng học bộ môn Mỹ thuật (01 phòng); Phòng học bộ môn Công nghệ (01 phòng); Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên (02 phòng); Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (02 phòng); Phòng học bộ môn Tin học (01 phòng); Phòng học bộ môn Ngoại ngữ (01 phòng); Phòng đa chức năng (01 phòng) [**H3-3.2-02**].

c) Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn-Đội (01 phòng) được bố trí riêng biệt, thư viện (01 phòng) và phòng truyền thống (01 phòng) [**H3-3.2-03**].

1.2. Mức 2

a) Phòng học, phòng bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập, cụ thể: Phòng học có diện tích trên 56 m², có cửa ra vào bố trí ở đầu và cuối lớp, các cửa sổ được thiết kế loại cửa lùa, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát; Phòng học bộ môn Âm nhạc (diện tích 102 m²); Phòng học bộ môn Mỹ thuật (diện tích 103 m²); Phòng học bộ môn Công nghệ (diện tích 102 m²); Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên 02 phòng (diện tích 87 m²/phòng); Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (môn Lịch sử và Địa lí) 01 phòng (diện tích 70 m²); Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (môn Văn và GDCD) 01 phòng (diện tích 70 m²); Phòng học bộ môn Tin học (diện tích 86 m²); Phòng học bộ môn Ngoại ngữ (diện tích 85 m²); Phòng đa chức năng (diện

tích 87 m²). Các phòng học bộ môn đều có cửa ra vào bố trí ở đầu và cuối phòng, các cửa sổ được thiết kế loại cửa lùa, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát. Các phòng học bộ môn Công nghệ và Khoa học tự nhiên đều có nơi chứa thiết bị bên trong [H3-3.2-04].

b) Nhà trường có khôi phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định: **Thư viện** (diện tích 87 m²) có kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của thủ thư), phòng đọc, đảm bảo đủ phục vụ cho giáo viên và học sinh; **Phòng thiết bị giáo dục** (01 phòng, diện tích 57 m²) có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường; **Phòng tư vấn học đường** và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (01 phòng, diện tích 28,5 m²), bố trí ở tầng trệt, có bàn ghế làm việc dành cho giáo viên, có tủ đựng hồ sơ, có bảng chống lóa và có bàn, ghế để tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; **Phòng truyền thống** (diện tích 48 m²) có các kệ trưng bày các bằng khen, giấy khen của trường, chi bộ, đoàn thể; có bảng giới thiệu truyền thống nhà trường, bảng thành tích của giáo viên và học sinh qua các năm, bảng hoạt động của đoàn thể, tổ chuyên môn, bảng giới thiệu lãnh đạo trường qua các thời kỳ, có mô hình tổng thể nhà trường; **Phòng hoạt động Đoàn-Đội** (diện tích 28,8 m²) có bàn làm việc dành cho Tổng phụ trách Đội, có tủ trưng bày tài liệu thành tích của đội, có tủ chứa dụng cụ phục vụ công tác đội, được trang bị đủ hệ thống chiếu sáng đảm bảo thông thoáng và đủ điều kiện về ánh sáng [H3-3.2-05].

1.3. Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định như: Tivi, máy tính được kết nối internet, bàn ghế thiết kế theo từng bộ môn. Phòng học bộ môn có đủ thiết bị phục vụ giảng dạy bộ môn [H3-3.2-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập; Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định, có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày; Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số phòng học đã xuống cấp, bị thấm khi mưa lớn.

Trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy hiệu quả các phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập phục vụ tốt cho việc dạy và học. Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa các phòng học, các trang thiết bị ở các phòng theo định kỳ hằng năm để đảm bảo ngày càng tốt hơn. Dành kinh phí thích đáng mua sắm CSVC, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3: Khôi hành chính - quản trị

Mức 1

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khôi hành chính - quản trị.*

Mức 2

Khôi hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3

Khôi hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có khôi phòng hành chính – quản trị, gồm phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể CBQL-GV-NV nhà trường, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, có 03 phòng phục vụ cho việc sinh hoạt của 03 tổ chuyên môn, phòng y tế trường học, nhà kho, phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể được bố trí ở dãy nhà 4 tầng, có 01 phòng bảo vệ. Các phòng đáp ứng được tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.3-01].

b) Nhà trường có một nhà xe HS được xây dựng kiên cố, nền bê tông, sườn sắt lộ tole bố trí phía bên trong hàng rào với diện tích khoảng 300 m² đảm bảo an toàn, trật tự; có một nhà để xe dành cho CBQL-GV-NV được bố trí gần dãy hành

chính, được xây dựng kiên cố, nền bê tông, sườn sắt lợp tol và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-02].

c) Hàng năm, chuẩn bị bước vào năm học mới nhà trường lên kế hoạch mua sắm, sửa chữa các thiết bị khối hành chính - quản trị như máy in, máy tính [H3-3.3-03].

1.2. Mức 2

Các phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể CBQL-GV-NV nhà trường, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, phòng các tổ chuyên môn, phòng y tế trường học, nhà kho, phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể được bố trí riêng biệt, có đầy đủ các thiết bị như máy tính, máy in; bàn làm việc, tủ để hồ sơ được sắp xếp hợp lí, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H3-3.3-01]. Trường không có khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ nhưng có căngtin nhà trường phục vụ cho CBQL-GV-NV và HS luôn được kiểm tra đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh thực phẩm [H3-3.3-04].

1.3. Mức 3

Nội hàm này mô tả tại mức 2.

2. Điểm mạnh

Trường có khối phòng hành chính – quản trị được bố trí riêng biệt, đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường; có nhà xe dành cho CBQL-GV-NV và HS được xây dựng kiên cố, đảm bảo an toàn, trật tự; có kiểm kê, sửa chữa kịp thời các thiết bị khối hành chính-quản trị. Các máy tính văn phòng có kết nối mạng internet hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành công tác giảng dạy của giáo viên.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa trang bị máy vi tính, máy in cho phòng Đảng, đoàn thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng cân đối kinh phí để trang bị thêm máy vi tính và máy in phục vụ cho công tác chuyên môn của các bộ phận.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trường có 02 nhà vệ sinh học sinh nam, 02 nhà vệ sinh nữ ở dãy phòng học 08 phòng, có 03 nhà vệ sinh nam, 03 nhà vệ sinh nữ, 01 nhà vệ sinh dành cho học sinh khuyết tật, có 01 nhà vệ sinh dành cho CBQL-GV-NV nam và 01 nhà vệ sinh dành cho CBQL-GV-NV nữ ở dãy 02 phòng học nối liền dãy phòng hành chính đảm bảo không ô nhiễm môi trường, sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.4-01].

b) Trường có hệ thống công thoát nước lắp đặt xung quanh khuôn viên trường nên việc thoát nước luôn đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02]. Trường sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cổ phần cấp nước và môi trường đô thị Đồng Tháp đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt cho CBQL-GV-NV và HS [H3-3.4-03]. Nhà trường có trang bị máy nước nóng lạnh phục vụ cho CBQL-GV-NV [H3-3.4-04].

c) Trường có bố trí các thùng rác quanh sân trường và các phòng học của HS, có hợp đồng với công ty môi trường đô thị để thu gom rác và xử lý rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-05]. Tuy nhiên, nhà trường chưa phân loại rác trước khi công ty đến thu gom rác.

1.2. Mức 2

a) Khu vệ sinh được bố trí theo từng khu làm việc của CBQL-GV-NV và học tập của HS, đảm bảo có đủ nước sạch, ánh sáng, không ô nhiễm môi trường, có hệ thống thoát nước cho tất cả các nhà vệ sinh. Các khu vệ sinh đều được bố trí phù hợp với cảnh quan, an toàn thuận tiện sạch sẽ [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có hệ thống nước sạch được cung cấp từ Công ty cổ phần cấp nước và môi trường đô thị Đồng Tháp, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực và đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống công thoát nước quanh sân trường đảm

bảo cho việc thoát nước. Trường trang bị các thùng chứa rác có nắp đậy và hợp đồng với công ty môi trường đô thị thu gom, xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập; Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

Trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên.

Việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa phân loại rác trước khi công ty đến thu gom rác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023–2024, Hiệu trưởng chỉ đạo cho giáo viên phụ trách vườn trường, giáo viên tổng phụ trách Đội hướng dẫn, phân công các lớp phân loại rác hằng ngày, đồng thời giáo dục cho học sinh ý thức trong việc phân loại rác và bảo vệ môi trường. Nhà trường trang bị thêm một số thùng rác lớn để chứa rác thải nhằm tránh gây ô nhiễm môi trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5: Thiết bị

Mức 1

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai

thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Tại Văn phòng trường có 01 máy vi tính, 01 laptop, 02 máy in, 02 tủ hồ sơ, 01 bộ bàn ghế tiếp khách; tại phòng Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có 02 laptop 02 máy in, 04 tủ hồ sơ để phục vụ công tác quản lý, tại các phòng học có 06 tivi loại 55 inch và 02 phòng vi tính 46 máy phục vụ công tác dạy và học của giáo viên và học sinh. Nhà trường đã nối mạng internet phục vụ tốt cho công tác quản lý và giảng dạy của GV **[H3-3.5-01]**.

b) Trường đã được trang bị thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định chương trình GDPT 2018 và chương trình GDPT 2006 như: 08 bộ thiết bị, tranh ảnh môn Ngữ văn, 06 bộ thiết bị thực hành môn Toán, 15 bộ tranh, ảnh, bộ dụng cụ thực hành môn GDCD, 40 bộ tranh, ảnh, lược đồ, phim mô phỏng, bộ học liệu điện tử dạy học môn Lịch sử và Địa lí, 48 bộ dụng cụ, tranh, ảnh, thiết bị, video mô phỏng dạy học môn Khoa học tự nhiên, 25 bộ dụng cụ, tranh, ảnh, thiết bị, video mô phỏng, bộ dụng cụ chế biến dạy học môn Công nghệ, 13 bộ dụng cụ, thiết bị dạy học môn Giáo dục thể chất, 21 bộ dụng cụ, thiết bị dạy học môn Nghệ thuật, 05 bộ tranh, ảnh, dụng cụ, thiết bị dạy học môn Hoạt động trải nghiệm, 03 bộ tranh, ảnh, dụng cụ, thiết bị dạy học dùng chung, 46 máy vi tính, các dụng cụ thể thao theo chương trình GDPT 2018 **[H3-3.5-02]**.

c) Hàng năm vào cuối năm học, nhà trường có kế hoạch và tiến hành kiểm kê toàn bộ thiết bị, đồ dùng dạy học. Qua công tác kiểm kê, nhà trường đã sửa chữa các thiết bị môn Tin học và nâng cấp, bổ sung đồ dùng, thiết bị môn Hóa, Sinh, Vật lý, Thể dục **[H3-3.5-03]**. Tuy nhiên, một số dụng cụ thí nghiệm, hóa chất trong phòng thiết bị theo chương trình GDPT 2006 liền kề dãy 08 phòng học được trang bị quá lâu từ năm 2005 đến nay không còn sử dụng được.

1.2. Mức 2

a) Nhà trường có 03 đường truyền cáp quang tốc độ cao để hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh trong nhà trường. Việc mượn trả thiết bị của giáo viên được thực hiện thông qua phần mềm quản lý thiết bị tại địa chỉ qltb.dongthap.gov.vn **[H3-3.5-04]**.

b) Nội hàm này đã mô tả ở chỉ báo b mức 1.

c) Hằng năm, trên cơ sở ý kiến đề xuất của giáo viên, tổ chuyên môn, Trường có xem xét bổ sung, sửa chữa các thiết bị dạy học như: sửa chữa máy vi tính phòng tin học, đồng hồ bấm giờ, bóng đá, bóng chuyền, còi, ... trị giá 50.000.000 đồng [H3-3.5-03]. Thông qua các lần sinh hoạt chuyên môn, nhà trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học phục vụ cho tiết dạy của mình. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, giáo viên chủ yếu sử dụng công nghệ thông tin phục vụ tiết dạy, ít làm đồ dùng dạy học.

1.3. Mức 3

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-05].

2. Điểm mạnh

Thiết bị, đồ dùng dạy học của nhà trường đảm bảo cho việc dạy và học, số lượng tranh ảnh và bản đồ, dụng cụ phục vụ cho thí nghiệm thực hành đảm bảo tối thiểu cho việc giảng dạy. Giáo viên có kế hoạch sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học theo yêu cầu của từng tiết dạy, có đăng ký mượn, trả thông qua phần mềm quản lý thiết bị.

3. Điểm yếu

Một số dụng cụ thí nghiệm, hóa chất trong phòng thiết bị theo chương trình GDPT 2006 liên kế dãy 08 phòng học được trang bị quá lâu từ năm 2005 đến nay không còn sử dụng được. Viên chức làm công tác thiết bị dạy học là kiêm nhiệm nên hiệu quả quản lý chưa cao. Còn một vài giáo viên sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học nhưng đăng ký mượn, trả còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023–2024, Hiệu trưởng có kế hoạch mua bổ sung các thiết bị, hóa chất mới để thay thế những thiết bị cũ đã hư hỏng, không còn phù hợp. Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện cho viên chức phụ trách thiết bị được dự các lớp tập huấn về công tác thiết bị đồng thời tiếp tục đề xuất về Phòng GDĐT tham mưu UBND tuyển dụng nhân viên thiết bị mới đạt chuẩn đáp ứng được yêu cầu để đảm nhận nhiệm vụ tốt hơn. Hằng tháng các tổ trưởng chuyên môn có đánh giá việc sử dụng thiết bị của từng thành viên trong tổ thông qua việc kiểm tra ký mượn, ký trả để tạo động lực cho thành viên thực hiện tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 6: Thư viện

Mức 1

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 4

Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng**1.1. Mức 1**

a) Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo. Tổng số sách trong kho thư viện là 3.772 bản, trong đó sách giáo khoa là 847 bản, sách nghiệp vụ là 502 bản, sách tham khảo là 1.705 bản, sách thiếu nhi là 718 bản [**H3-3.6-01**]. Có 04 loại báo, bao gồm: Báo Nhân dân, báo Giáo dục thời đại, báo Đồng Tháp, báo tuổi trẻ cười đáp ứng tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [**H3-3.6-02**].

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng được yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL-GV-NV và HS. Giờ trực của thư viện từ thứ hai đến thứ sáu hằng tuần, buổi sáng từ 07 giờ 30 phút kết thúc lúc 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 30 phút kết thúc lúc 17 giờ. Thư viện có phòng đọc ngăn cách giữa giáo viên và học sinh. Đầu năm Thư viện cho giáo viên và học sinh mượn sách giáo khoa. Thư viện cho học sinh mượn tài liệu về

nhà, cho học sinh đọc sách tại chỗ. CBQL-GV-NV và HS thường xuyên lên thư viện đọc và mượn tài liệu nghiên cứu phục vụ công tác dạy, học [H3-3.6-03]. Ngoài ra, Thư viện nhà trường thực hiện tốt các hoạt động giới thiệu thư viện cho học sinh đầu cấp, trưng bày sách theo chủ đề, tổ chức Ngày hội đọc sách, hướng dẫn cho học sinh tham gia hội thi thiếu nhi với văn hóa đọc, giới thiệu sách 2 tuần/1 lần được lồng ghép trong buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần [H3-3.6-04]. Trung bình số lượt bạn đọc của giáo viên và học sinh 301 lượt/tháng trong đó giáo viên: 22 lượt, học sinh 279 lượt [H3-3.6-05].

c) Vào cuối tháng 6 hằng năm thư viện đều có thực hiện kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo cơ bản phục vụ dạy học. Ngoài ra nhà trường còn bổ sung thêm sách từ các nguồn tài trợ của các dự án, từ sự đóng góp xã hội hóa của GV, học sinh tương đương 11.000.000 đồng [H3-3.6-06].

1.2. Mức 2

Thư viện của nhà trường đã đạt danh hiệu Thư viện tiên tiến năm 2022 [H3-3.6-07].

1.3. Mức 3

Thư viện của nhà trường đã đạt danh hiệu Thư viện tiên tiến năm 2022 [H3-3.6-07]. Thư viện có trang bị 01 laptop, 01 máy in cho cán bộ quản lý thư viện đồng thời có trang bị 02 máy vi tính có kết nối Internet để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL-GV-NV và HS. Thư viện có triển khai việc đọc sách qua phần mềm quản lý thư viện tại địa chỉ <https://thuvienonline.vhmt.vn/Account/Login> [H3-3.6-08].

1.4. Mức 4

Thư viện có kết nối internet, có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đã đạt “thư viện tiên tiến” năm 2022, hoạt động có nề nếp, góp phần tích cực cho hoạt động dạy và học cũng như các hoạt động giáo dục HS của nhà trường. CBQL-GV-NV và HS thích đọc sách, thường xuyên đến thư viện nên hoạt động của thư viện được khai thác sử dụng hiệu quả. Thư viện có tài liệu phục vụ cho giáo viên và học sinh, đặc biệt là sách giáo khoa phục vụ cho học sinh nghèo, tạo điều kiện tốt trong việc học tập của học sinh.

3. Điểm yếu

Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

Các yêu cầu tài nguyên thông tin chưa bảo đảm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì các thành quả đã đạt được trong công tác thư viện, phân đầu xây dựng thư viện đạt mức độ 2 giai đoạn 2023-2025 theo tiêu chuẩn thư viện được ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT bằng cách đầu tư thêm cho thư viện về CSVC, trang thiết bị, số lượng và thể loại sách theo quy định của chuẩn mới và nâng cao chất lượng thực sự của hoạt động thư viện. Quy định hàng tháng cán bộ thư viện phải cập nhật số lượng sách, báo mới và phải giới thiệu sách mới kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

*** Điểm mạnh:**

Trường có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trường có hàng rào riêng biệt, có cổng trường, biển trường theo quy định, diện tích rộng đảm bảo an ninh trật tự. Khung cảnh sư phạm nhà trường đảm bảo, có đủ phòng học hai ca cho các lớp, phòng học đảm bảo đủ ánh sáng theo tiêu chuẩn, có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh trung học cơ sở, có bảng chống lóa, các phòng học được trang trí phù hợp.

Trường có đủ diện tích các khu sân chơi, bãi tập, có các thiết bị cần thiết phục vụ học tập thể dục thể thao của học sinh.

Cơ sở vật chất của trường được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

Thiết bị, đồ dùng dạy học của nhà trường đảm bảo cho việc dạy và học, số lượng tranh ảnh và bản đồ, dụng cụ phục vụ cho thí nghiệm thực hành đảm bảo tối thiểu cho việc giảng dạy.

Nhà trường có phòng thư viện, thư viện đạt danh hiệu thư viện tiên tiến.

*** Điểm yếu:**

Trường chưa được công nhận đạt chuẩn xanh - sạch- đẹp.

Trường chưa có nhân viên phụ trách công tác thiết bị.

Thư viện chưa đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trong việc hình thành nhân cách của học sinh, không ai có thể phủ nhận được tầm quan trọng của ba yếu tố cơ bản là nhà trường, gia đình và xã hội. Điều đó có nghĩa là muốn giáo dục trẻ có hiệu quả, cần xây dựng mối quan hệ gắn bó, bền chặt của ba yếu tố trên. Nhận thức rõ vấn đề đó, Trường Trung học cơ sở Tân Phước đã xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh. Một trong những nội dung của chương trình, kế hoạch là sự tham mưu với cấp trên để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường, phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, với các tổ chức đoàn thể ở địa phương nhằm giáo dục các em HS trở thành những con người phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ. Trên thực tế, việc phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, giúp nhà trường từng bước giữ vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Đầu mỗi năm học nhà trường triển khai họp Ban đại diện CMHS các lớp, Hội nghị Ban đại diện CMHS toàn trường để tổng kết công tác của Ban đại diện CMHS năm cũ và triển khai kế hoạch hoạt động Ban đại diện CMHS năm tiếp theo [H4-4.1-01]; Hình thức bầu Ban đại diện CMHS của lớp, của trường là tập thể giới thiệu, lấy biểu quyết bằng cách giơ tay. Ban đại diện CMHS của lớp gồm 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên; Ban đại diện CMHS trường gồm 01 trưởng ban, 02 phó ban và 06 ủy viên [H4-4.1-02]. Ban đại diện CMHS của trường tổ chức họp định kỳ ba

lần trong năm: vào đầu năm học, cuối học kì I, cuối năm học và đột xuất khi cần, tỷ lệ ban đại diện các lớp họp trên 60%. Nội dung họp của lớp đầu năm thông tin về tình hình lớp, nhà trường, công tác dạy và học, công tác thực hiện các khoản thu và việc phối hợp trong giáo dục học sinh. Sau khi kết thúc học kỳ I, báo cáo tình hình học tập của học sinh, kết quả thực hiện hoạt động, định hướng nội dung trọng tâm của học kỳ II. Cuối năm đánh giá công tác hoạt động năm học, đề ra những nhiệm vụ trọng tâm của năm học mới. Ngoài ra còn tham gia công tác giáo dục đạo đức học sinh; hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện **[H4-4.1-03]**.

b) Hằng năm, sau khi được thành lập, Ban đại diện CMHS tổ chức họp và xây dựng kế hoạch hoạt động theo tình hình thực tế và kế hoạch năm học của nhà trường. Trong kế hoạch có phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban đại diện CMHS của trường, đề ra những nội dung hoạt động của Ban đại diện trường trong năm học như: công tác phối hợp với nhà trường để giáo dục đạo đức tác phong, rèn kỹ năng sống cho HS, vận động HS ra lớp, chế độ hội họp, việc vận động quỹ hội, phân bổ chi tiền vận động, phân công các thành viên phụ trách từng khối lớp học, công tác khen thưởng HS đạt thành tích cao trong học tập, tham gia các hội thi, cuộc thi các cấp **[H4-4.1-04]**.

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh đã thực hiện tốt các kế hoạch của mình thông qua việc phối, kết hợp với Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, đoàn thể. Cùng đơn vị thực hiện tốt việc giáo dục học sinh thực hiện quy định, nội quy của trường, lớp, không vi phạm pháp luật, phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn trong trường học; tham gia vận động học sinh bỏ học trở lại lớp; kịp thời phản ánh những nguyện vọng, ý kiến của cha mẹ học sinh đến lãnh đạo nhà trường; hỗ trợ nhà trường trong các phong trào tổ chức trong và ngoài nhà trường như: đưa rước con em tham gia các hội thi, hoạt động xã hội. Các kế hoạch đều được thực hiện đúng tiến độ và đạt hiệu quả **[H4-4.1-05]**. Tuy nhiên một số thành viên Ban Đại diện Cha mẹ học sinh trường tham dự các cuộc họp chưa đầy đủ.

1.2. Mức 2

Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học như hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS thông qua việc lồng ghép vào các cuộc họp CMHS trong năm học **[H4-4.1-03]**; chăm lo giáo dục học sinh nhất là những em có hoàn cảnh khó khăn hoặc chậm tiến bộ trong học tập, động viên, giúp

đỡ HS nghèo cố gắng học tập, hỗ trợ dụng cụ học tập cho học sinh [H4-4.1-05]; Trao đổi thông tin giữa nhà trường và CMHS còn được thực hiện thông qua sổ liên lạc, điện thoại, tin nhắn điện thoại của phần mềm vnEdu, zalo. Hình thức tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS thông qua các buổi họp, niêm yết văn bản tại các bảng thông tin [H4-4.1-03]. Nhà trường phối hợp với CMHS vận động HS đã bỏ học, có nguy cơ bỏ học trở lại lớp được khoảng từ 5 đến 7 trường hợp/năm học, trong đó có hiệu quả từ 4 đến 6 trường hợp học sinh trở lại lớp học, số còn lại chưa vào lớp học là do các em theo gia đình đi khỏi địa phương hoặc gia đình khó khăn về kinh tế, ý thức các em không ham học [H4-4.1-06].

1.3. Mức 3

Ban đại diện CMHS thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động đúng quy định theo Điều lệ; Công tác phối hợp giữa Ban đại diện CMHS với cộng đồng xã hội cũng đạt hiệu quả đáng ghi nhận. Trong năm năm qua, nhà trường không có học sinh vi phạm đạo đức phải xử kỉ luật. Bên cạnh đó, Ban đại diện còn vận động các ban ngành đoàn thể, các mạnh thường quân trong và ngoài xã ủng hộ, giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn về học bổng, tập, viết, quần áo, xe đạp, BHYT, ... [H4-4.1-04]; vận động kinh phí khen thưởng đối với những học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi, xuất sắc nhất khối cuối năm học, khen thưởng những học sinh tham gia các hội thi cấp huyện, tỉnh đạt giải [H4-4.1-07]; tổng số tiền vận động được trên 50.000.000 đồng/năm học [H4-4.1-08].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS được tổ chức và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp cùng Ban đại diện CMHS hoạt động. Các cuộc họp được tổ chức đúng theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Nhà trường tiếp thu ý kiến và giải quyết kịp thời các kiến nghị của cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Các thành viên trong BĐDCMHS không cùng môi trường làm việc nên các cuộc họp lệ định kỳ trong năm đôi khi có mặt không đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng chỉ đạo GVCN lớp tiếp tục phối hợp, duy trì mối quan hệ giữa lớp với Ban đại diện CMHS lớp. Xây dựng nội dung các phiên họp phong phú hơn, cụ thể về tình hình học tập của HS. Thường xuyên trao đổi với những phụ huynh vắng mặt thông qua tin nhắn về nội dung học tập của HS cũng như

những nội quy của trường, làm khơi dậy niềm tin đối với phụ huynh, khuyến khích phụ huynh đến dự họp đông đủ hơn. Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng chỉ đạo GVCN phối hợp mời Ban đại diện cha mẹ học sinh tham dự các cuộc họp, sinh hoạt đầy đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thông qua cuộc họp với Đảng ủy, UBND xã Tân Phước và bằng văn bản về kế hoạch giáo dục năm học, công tác phổ cập giáo dục, ngày toàn dân đưa trẻ đến trường; hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn và các giải pháp phối hợp để phát triển nhà trường [H4-4.2-01].

b) Nhà trường thường xuyên tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu của nhà trường trong năm học, về nội dung dạy học trong năm học, hình thức kiểm tra đánh giá học sinh để cho CMHS, cộng đồng biết và phối hợp với nhà trường giáo dục con em mình thực hiện [H4-4.2-02]; phối hợp công an huyện Tân Hồng tuyên truyền về công tác giáo dục an toàn giao thông, vấn đề ma túy, tệ nạn xâm nhập vào học đường, bạo lực học đường [H4-4.2-03]. Nhà trường đã ký kết với Công an xã Tân Phước thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và an toàn xã hội [H4-4.2-04]; phối hợp với trung tâm y tế huyện Tân Hồng thực hiện công tác truyền thông giáo dục sức khỏe hằng năm cho học sinh, đảm bảo cho các em được phát triển tốt về thể chất, tinh thần, trí tuệ, có lối sống lành mạnh [H4-4.2-05].

c) Hằng năm, nhà trường có phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa bàn hỗ trợ ghế đá cho học sinh ngồi ở khuôn viên trường trong những giờ giải lao [H3-3.1-02]; Năm học 2022-2023, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa bàn hỗ trợ học sinh trong đơn vị bằng tiền và hiện vật với tổng giá trị 111.050.000 đồng. Cụ thể như sau: Quỹ khuyến học Nguyễn Sinh Sắc hỗ trợ 01 tủ sách khuyến học trị giá 18.380.000 đồng; các mạnh thường quân hỗ trợ 16 xe đạp với số tiền 32.000.000 đồng; 45 thẻ BHYT với số tiền là 18.000.000 đồng; 01 suất học bổng ADC và dụng cụ học tập với số tiền là 23.950.000 đồng; 21 học bổng với số tiền là 10.500.000 đồng; 16 suất dụng cụ học tập với số tiền 8.220.000 đồng. Tất cả các nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân nhà trường sử dụng đúng quy định [H4-4.1-08]. Tuy nhiên công tác huy động các nguồn lực chưa đáp ứng đủ số lượng nhu cầu học sinh nghèo, khó khăn cần được hỗ trợ.

1.2. Mức 2

a) Nhằm thực hiện tốt các phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường trong giai đoạn 2022-2027 và tầm nhìn 2032 nhà trường đã chủ động tham mưu với chính quyền địa phương để thực hiện tốt kế hoạch chiến lược của trường như: công tác huy động và duy trì sĩ số học sinh, thực hiện phân luồng hướng nghiệp học sinh sau tốt nghiệp THPT, công tác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường, thực hiện tốt an toàn giao thông cho học sinh, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia. Đồng thời tham mưu với Đảng ủy trong công tác quy hoạch cán bộ quản lý kế cận và cử CBQL, giáo viên tham gia học các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị. Năm 2023 được chính quyền địa phương cử 01 CBQL

và 01 GV tham gia giáo viên tham gia học lớp Trung cấp lý luận chính trị [H4-4.2-06].

b) Công tác giáo dục truyền thống được nhà trường quan tâm. Liên đội phối hợp với các tổ chức, đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn 27/7, 22/12,... Hàng năm Trường có phối hợp với xã Đội Tân Phước nói chuyện chuyên đề về truyền thống về ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam để giáo dục truyền thống lịch sử, cách mạng cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức cho học sinh đến chăm sóc tượng đài chiến thắng Giồng Thị Đam Gò Quảng Cung để giáo dục truyền thống cách mạng [H4-4.2-07]. Nhà trường phối hợp với các đoàn thể của địa phương đến thăm hỏi các gia đình có công cách mạng. Tuy nhiên, hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho HS với hình thức chưa phong phú, chưa có mô hình nổi bật để thật sự thu hút học sinh tham gia. Các phong trào được thực hiện theo thời vụ, chưa có tính bền vững.

1.3. Mức 3

Hàng năm nhà trường có thành lập ban chỉ đạo, đăng kí và thực hiện xây dựng đơn vị văn hóa được Liên đoàn lao động huyện Tân Hồng công nhận đơn vị văn hóa [H4-4.2-08]. Tuy nhiên, do mặt bằng của Trường mới được san lấp, đổ đal trong năm học 2022-2023 nên nhà trường chưa tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, vui chơi cho trẻ em trên địa bàn xã như: hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, văn nghệ ... để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với các đoàn thể ở địa phương, với Ban đại diện cha mẹ học sinh về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường; tích cực tham mưu và phối hợp với UBND, công an xã Tân Phước về công tác an ninh trường học để xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh. Kết hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường thực hiện tốt công tác vận động, huy động các nguồn lực để kịp thời giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, khen thưởng học sinh có thành tích tốt.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp giữa trường với các tổ chức xã hội ngoài trường đôi khi chưa đạt được hiệu quả cao. Công tác vận động, huy động có lúc chưa kịp thời, chưa thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ cho nhà trường; Công tác phối hợp tham mưu giữa nhà trường và Đoàn thể địa phương đôi lúc chưa nhịp nhàng. Phong trào thể

dục thể thao trong cộng đồng với nhà trường chỉ thực hiện theo thời vụ, chưa có tính bền vững, chưa hình thành các câu lạc bộ. Trường chưa đủ điều kiện trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 nhà trường tiếp tục phối hợp tốt hơn nữa với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Tăng cường huy động hết tiềm lực của các tổ chức, cá nhân để tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường có đủ điều kiện trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Tạo điều kiện cho GV đi học hỏi kinh nghiệm ở những đơn vị bạn có mô hình hay để áp dụng vào đơn vị mình, nhằm xây dựng và phát triển nhà trường. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức nhằm huy động quần chúng tham gia vào công tác giáo dục của đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

*** Điểm mạnh:**

Trường thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; được Đảng uỷ, chính quyền và các đoàn thể địa phương quan tâm giúp đỡ; được CMHS gắn bó và hỗ trợ hiệu quả trong các hoạt động giáo dục góp phần hoàn thành mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với các đoàn thể ở địa phương, với Ban đại diện cha mẹ học sinh về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường, đã tranh thủ được sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự quan tâm ủng hộ của địa phương về những chủ trương lớn của nhà trường.

*** Điểm yếu:**

Các thành viên trong BĐDCMHS không cùng môi trường làm việc nên các cuộc họp định kỳ trong năm học đôi khi có mặt không đầy đủ.

Công tác tham mưu của nhà trường đối với địa phương đôi lúc chưa kịp thời.

Hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho HS hình thức chưa phong phú, chưa hình thành các câu lạc bộ. Trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường triển khai đầy đủ, kịp thời kế hoạch thời gian năm học, nhiệm vụ trọng tâm của chương trình giáo dục THCS; thực hiện kịp thời kế hoạch, đúng tiến

độ chương trình; xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tế của đơn vị, dạy đủ các môn học theo quy định của cấp học; giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá và đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh, đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện tốt nội dung giáo dục địa phương theo qui định; Các hoạt động giáo dục ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Nhà trường luôn quan tâm công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém. Tổ chức thực hiện tốt công tác duy trì chuẩn phổ cập giáo dục THCS. Chất lượng giáo dục của nhà trường đã giữ vững và tăng dần qua từng năm học, nâng dần uy tín của nhà trường, tạo niềm tin với cha mẹ học sinh.

Tiêu chí 1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1

a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

c) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Mức 4

Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo chương trình GDPT 2006 (lớp 9) và GDPT 2018 (lớp 6,7,8) như: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học (KHTN), Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Lịch sử Địa lí), tiếng Anh, Công nghệ, GDCD, Thể dục (GDTC), Âm nhạc, Mĩ thuật (Nghệ thuật), Tin học [**H1-1.8-02**]. Tổ chức các hoạt động giáo dục như: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động thể thao, văn nghệ,... đảm bảo mục tiêu giáo dục [**H5-5.1-01**].

b) Hằng ngày khi thực hiện giảng dạy các môn học, tổ chức các hoạt động, giáo viên sử dụng nhiều phương pháp dạy học phù hợp như phương pháp đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, phương pháp vấn đáp, phương pháp sắm vai, đồng thời giáo viên vận dụng các phương pháp dạy học tích cực như: trực quan, hoạt động nhóm, trò chơi, giải quyết vấn đề, Giáo viên luôn chú ý liên hệ thực tế phù hợp với nội dung bài dạy để học sinh có thể nhận biết, vận dụng được kiến thức mới thực tiễn đời sống, đồng thời giáo viên cũng tích hợp và lồng ghép các nội dung cần thiết nhằm tăng thêm kiến thức có liên quan để giáo dục toàn diện học sinh. Trong các tiết dạy, giáo viên luôn chú trọng việc lấy học sinh làm trọng tâm, phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của học sinh, rèn kỹ năng tư duy cho học sinh thông qua việc cho học sinh độc lập suy nghĩ, thảo luận nhóm, phân phối thời gian hợp lý giữa cung cấp kiến thức với thực hành bài tập để học sinh có thể vận dụng kiến thức, rèn kỹ năng ngày càng tốt hơn. Giáo viên hướng dẫn giúp học sinh có phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm thông qua phương pháp thảo luận nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [**H5-5.1-02**]. Tuy nhiên còn một vài giáo viên chưa mạnh dạn thay đổi phương pháp dạy và hình thức bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu nên số lượng học sinh đạt giải các hội thi còn ít, chất lượng giải chưa cao, chưa ổn định.

c) Trong quá trình dạy học giáo viên thực hiện đổi mới đánh giá thường xuyên bằng các hình thức khác nhau: đánh giá thông qua việc quan sát các hoạt động dạy học trên lớp, đánh giá qua hồ sơ, sản phẩm học tập, qua báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm. Thực hiện đánh giá học sinh bằng hình thức nhận xét kết

quả học tập đối với các môn Âm nhạc, Mỹ thuật (Nghệ thuật), Thể dục (GDTC), Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Giáo dục địa phương; Kết hợp đánh giá bằng hình thức cho điểm và nhận xét kết quả học tập đối với môn tất cả các môn học còn lại. Bên cạnh đánh giá bằng điểm số thông qua các bài kiểm tra, GV còn có nội dung nhận xét về ưu điểm, khuyết điểm và lời động viên chỉ dẫn học sinh học tốt hơn nữa; Giáo viên phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá, qua đó điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập. Ngoài ra trong kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, nhà trường tổ chức kiểm tra tập trung các môn học ở tất cả các khối lớp, các học sinh cùng khối lớp được chia thành các phòng kiểm tra, sắp xếp theo thứ tự a,b,c; các học sinh sẽ được kiểm tra chung đề và chấm chung theo phòng sau khi được cắt phách nhằm đảm bảo khách quan và hiệu quả **[H5-5.1-03]**.

1.2. Mức 2

a) Căn cứ vào quy định của các cấp quản lý, nhà trường xây dựng kế hoạch thời gian, kế hoạch nhiệm vụ năm học hướng dẫn thực hiện chương trình, thời gian, thời lượng giáo dục cho toàn trường **[H1-1.8-01]**. Các tổ chuyên môn căn cứ xây dựng kế hoạch chỉ đạo đến giáo viên thực hiện **[H1-1.4-07]**. Trên cơ sở đó, giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh theo đặc thù môn học, phù hợp với điều kiện nhà trường **[H5-5.1-02]**. Tuy nhiên, vẫn còn một số GV chưa linh hoạt trong việc phối hợp các phương pháp trong tiết dạy nên vẫn còn học sinh yếu kém, HS còn hạn chế khả năng diễn thuyết và khả năng phản biện trước những tình huống thực tế.

b) Để phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chỉ đạo GV tiến hành rà soát kết quả học tập của HS toàn trường để phân loại theo trình độ HS. Đối với học sinh giỏi, GVBM phát hiện học sinh có năng khiếu môn học của mình sau đó tuyển chọn, thành lập đội tuyển HSG, nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công GV bồi dưỡng HS theo thời khóa biểu của nhà trường **[H5-5.1-04]**. Đối với HS yếu kém, nhà trường chỉ đạo GVBM rà soát những học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện để phụ đạo. Cụ thể, sau kết quả kiểm tra giữa HKI giáo viên các bộ môn thống kê những học sinh yếu kém của môn mình giảng dạy, nhà trường lập kế hoạch phân công cho GVBM phối hợp với GVCN có kế hoạch giúp đỡ HS như phân nhóm học tập, xây dựng đôi bạn cùng tiến giúp đỡ nhau trong học tập để giúp các em đạt mức trung bình trở lên, cũng như đạt chỉ tiêu đề ra đối với từng bộ môn.

[H5-5.1-05]. Tuy nhiên do chất lượng học của HS chưa thật đồng đều, chất lượng đầu vào còn hạn chế nên tỷ lệ HS giỏi còn ít, học sinh yếu, kém vẫn còn.

1.3. Mức 3

Hàng năm, trong các lần họp liên tịch, họp tổ trưởng, họp HĐSP toàn trường và cuối mỗi học kì nhà trường đều tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá việc thực hiện chương trình, thực hiện kế hoạch dạy học đến từng thời điểm. Trên cơ sở đó, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp đã triển khai và đưa ra các giải pháp mới nhằm từng bước nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và học sinh **[H5-5.1-06].**

1.4. Mức 4

Hiện tại kế hoạch giáo dục của nhà trường chỉ thực hiện theo khung chương trình do Bộ GDĐT quy định. Chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu. Giáo viên có vận dụng linh hoạt đa dạng hình thức, phương pháp vào dạy học góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Hàng năm, nhà trường đều thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

3. Điểm yếu

Còn một vài giáo viên chưa mạnh dạn thay đổi phương pháp dạy và hình thức bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu nên số lượng học sinh đạt giải các hội thi còn ít, chất lượng giải chưa cao. Còn một số GV chưa linh hoạt trong việc phối hợp các phương pháp trong tiết dạy nên vẫn còn học sinh yếu kém, HS còn hạn chế khả năng diễn thuyết và khả năng phản biện trước những tình huống thực tế. Chất lượng học của HS chưa thật đồng đều, chất lượng đầu vào còn hạn chế nên tỷ lệ HS giỏi còn ít, học sinh yếu, kém vẫn còn. Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023- 2024, nhà trường tăng cường công tác truyền thông cho đội ngũ giáo viên thấy được ý nghĩa, sự cần thiết, tính hiệu quả của việc đổi mới,

đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, từng bước giới thiệu một số nội dung theo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước cho CBQL, GV nắm bắt và thực hiện. Từ đó, trong những điều kiện có thể của bản thân, của nhà trường, đội ngũ giáo viên sẽ chủ động thực hiện sự thay đổi các hình thức tổ chức dạy học nhằm đem lại những cảm giác, những trải nghiệm mới mẻ, thú vị cho học sinh.

Từ năm học 2023-2024, nhà trường tập trung chỉ đạo GV chú trọng việc dạy học thực hành trong giờ chính khóa; bảo đảm cân đối việc truyền thụ kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho HS; chú trọng việc liên hệ bài học với thực tế cuộc sống và tích cực ứng dụng CNTT trong các hoạt động giáo dục. Xây dựng các câu lạc bộ nhằm thu hút HS tham gia và tạo cho các em luôn tự tin trước đám đông, có khả năng phản biện trước những tình huống thực tế. Trong kế hoạch giáo dục của nhà trường sẽ đưa thêm vào chương trình giáo dục của các nước trong khu vực như dạy học Stem, nhà trường sẽ tăng cường phân công giáo viên tham gia tập huấn, học tập kinh nghiệm ở trường bạn về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, cải thiện chế độ khen thưởng khích lệ cho giáo viên theo thành tích đạt được trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện
Mức 1

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

Mức 4

Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm bằng nhiều kênh khác nhau, tìm hiểu hoàn cảnh gia đình từng em để lập danh sách HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nắm bắt tâm tư tình cảm và những khó khăn, vướng mắc mà các em đang phải trải qua để nhà trường lập kế hoạch giáo dục cho các đối tượng này [**H1-1.8-01**]. Bên cạnh đó, nhà trường chỉ đạo mỗi giáo viên bộ môn các lớp tiến hành tìm hiểu học sinh, từ đó xây dựng các kế hoạch giáo dục phù hợp với các đối tượng học sinh trong đó lưu ý nhiều hơn đến những học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập và rèn luyện [**H5-5.1-05**].

b) Nhà trường luôn quan tâm đến đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Đối với HS có hoàn cảnh khó khăn, nhà trường thường xuyên chỉ đạo GVCN và Tổng phụ trách đội quan tâm, trao đổi, chia sẻ hoàn cảnh của các em, kịp thời có biện pháp giúp đỡ các em trong học tập và cuộc sống như hỗ trợ dụng cụ học tập, học bổng, xe đạp, tặng bảo hiểm y tế...; miễn giảm học phí, cấp bù chi phí học tập cho học sinh hộ nghèo, cận nghèo [**H5-5.2-01**]. Đối với học sinh có năng khiếu, nhà trường giao cho giáo viên bộ môn trực tiếp giảng dạy phát hiện, nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng qua quá trình học tập trong thời gian chính khóa, trường thành lập đội tuyển của trường tham gia hội thi học sinh giỏi và cuộc thi cấp huyện, cấp tỉnh như vẽ tranh, văn nghệ và các giải thể thao do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức [**H5-5.2-02**]. Đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhà trường chỉ đạo giáo viên bộ môn có biện pháp giúp đỡ HS yếu kém trong học tập như phân nhóm có HS giỏi kèm HS yếu, tổ chức ôn tập kiến thức cơ bản ngay trong giờ học; thực hiện dạy trái buổi rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức bài dạy vào cuộc sống. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên khuyến khích động viên, phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh học yếu kém, phối hợp với Liên đội trường xây dựng các phong trào “Đôi bạn cùng tiến” để giúp đỡ học sinh học yếu [**H5-5.1-05**]. Tuy nhiên, còn một số yếu kém HS yếu kém thường vắng các buổi giáo viên tổ chức ôn tập kiến thức.

c) Trong các lần sinh hoạt tổ chuyên môn có thực hiện rà soát kết quả thực hiện chương trình của giáo viên, việc tổ chức các hoạt động giáo dục, học tập của học sinh như chất lượng giáo dục, chất lượng học sinh mũi nhọn các hội thi, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, đề xuất các giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác này cũng như hướng khắc phục những hạn chế. Sau mỗi lần rà soát giáo viên có kinh nghiệm hướng dẫn tốt hơn, học sinh phát huy được năng khiếu và khẳng định bản thân **[H5-5.2-03]**.

1.2. Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đạt mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường. Kết quả qua từng năm các chỉ tiêu đều đạt theo kế hoạch của trường cụ thể như: học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhiều tổ chức, cá nhân hỗ trợ và giúp đỡ; học sinh năng khiếu và học sinh giỏi từng hội thi đều đạt giải, tỉ lệ học sinh lưu ban, yếu kém dưới 2% **[H1-1.4-11]**.

1.3. Mức 3

Hàng năm, nhà trường đều có HS tham gia và đạt giải trong các hội thi cấp huyện, cụ thể năm học 2021-2022: Hội thi Khoa học kỹ thuật đạt 02 giải khuyến khích tập thể và 01 giải khuyến khích cá nhân; hội thi học sinh giỏi các môn văn hóa đạt 03 giải ba (01 giải môn Toán, 01 giải môn Sinh và 01 giải môn Sử). Cấp tỉnh: Đạt 01 giải nhì môn Sử hội thi học sinh giỏi. Năm học 2022-2023: Hội thi Khoa học kỹ thuật đạt 02 giải khuyến khích tập thể; hội thi học sinh giỏi các môn văn hóa đạt 02 giải (01 giải ba môn Sinh 01 giải khuyến khích môn Toán). Cấp tỉnh: Đạt 01 giải Tư tập thể hội thi học sinh giỏi Khoa học kỹ thuật. Đạt 01 giải khuyến khích cuộc thi hùng biện tiếng Anh cấp huyện (khô 6,7); Đạt 01 giải ba cuộc thi Bơi lội và cứu đuối cấp huyện; Có 01 học sinh đạt chỉ huy đội giỏi cấp huyện; Đạt giải khuyến khích tập thể hội thi thiếu nhi với văn hóa đọc cấp huyện **[H5-5.2-04]**.

1.4. Mức 4

Nhà trường phối hợp, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường hỗ trợ, bồi dưỡng kịp thời cho những học sinh khó khăn, học sinh có năng khiếu, giúp các em khắc phục khó khăn cũng như phát huy được năng khiếu của bản thân. Tuy nhiên, kết quả bồi dưỡng học sinh có năng khiếu chưa cao, số lượng học sinh đạt giải còn ít, chất lượng giải còn thấp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, đáp ứng được mục tiêu giáo dục của nhà trường. Định kỳ có rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật của nhà trường được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

3. Điểm yếu

Một số HS yếu kém còn vắng các buổi giáo viên tổ chức ôn tập kiến thức. Số lượng học sinh có năng khiếu về các môn học còn ít, chất lượng giải còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm trong công tác rà soát, đánh giá để cải tiến hoạt động giúp đỡ học sinh yếu, kém hàng tháng. Chỉ đạo tổ chuyên môn tăng cường dự giờ, kiểm tra các lớp có kết quả học tập còn thấp và tư vấn cho GV các phương pháp dạy học thích hợp với đối tượng HS. GVCN tăng cường phối hợp với gia đình HS để có biện pháp quản lý giờ tự học và chất lượng tự học của HS ở nhà. GVBM phối hợp với GVCN, các đoàn thể có biện pháp giúp đỡ HS có học lực yếu kém luôn tự tin vươn lên trong học tập.

Tạo điều kiện để giáo viên tham gia học tập kinh nghiệm ở các trường bạn có thành tích tốt trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi để bồi dưỡng đạt học sinh giỏi trong năm học 2023- 2024.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường xây dựng Kế hoạch giáo dục địa phương cho khối 6,7 theo CTGDPT 2018, thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở những môn Địa lý, Lịch sử, Ngữ văn, Mỹ thuật, Âm nhạc theo thời khóa biểu chính khóa 1 tiết/lớp/tuần, nội dung giảng dạy theo hướng dẫn sử dụng tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp ban hành bao gồm những vấn đề cơ bản về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp, ... của địa phương. Đối với khối 8, 9 triển khai thực hiện hình thức dạy học tích hợp vào chương trình chính khóa ở các môn Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lí, Giáo dục công dân, mỹ thuật, âm nhạc, Thể dục, Công nghệ theo công văn 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GDĐT [**H5-5.3-01**]; [**H5-5.3-02**]. Tuy nhiên giáo dục địa phương của nhà trường phần lớn chỉ tổ chức giảng dạy trên lớp, việc tổ chức cho học sinh đi thực tế ngoài địa phương còn ít.

b) Nhà trường chỉ đạo giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá đối với khối 6,7, khuyến khích thông qua bài thực hành, dự án học tập trên lớp dưới nhiều hình thức như cá nhân, nhóm. Đối với khối 8,9 nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện lồng ghép vào bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ để kiểm tra và đánh giá học sinh [**H5-5.3-03**].

c) Hằng năm, vào cuối năm học nhà trường đều có chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát, đánh giá việc tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương trong năm có phù hợp không từ đó đề xuất nội dung cần được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị [**H1-1.4-11**]. Tuy nhiên công tác đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương, các tổ chuyên môn báo cáo còn chậm thời gian theo quy định.

1.2. Mức 2

Nhà trường xây dựng và tổ chức triển khai việc giảng dạy chương trình giáo dục địa phương có nội dung phù hợp với mục tiêu từng môn học và gắn lý luận với thực tiễn, gắn với thực trạng tại địa phương, tạo hứng thú, động lực học tập cho học sinh: Đối với môn Mỹ thuật, Lịch sử và Địa lí, GVBM tổ chức cho HS được đến tìm hiểu và chăm sóc di tích Gò Quảng Cung – Giồng Thị Đam, tổ chức cho học sinh nghiên cứu về đặc điểm các loại cây trồng, vật nuôi ở tỉnh Đồng Tháp; Đối với môn Ngữ văn, Âm nhạc tích hợp giáo dục địa phương được thực hiện qua việc tổ chức cho học sinh tìm hiểu về hò, ca dao Đồng Tháp; Đối với môn GD&ĐT giáo

viên tạo điều kiện cho học sinh giới thiệu về truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ ở địa phương; Đối với môn Công nghệ, GVBM tổ chức cho HS trồng và chăm sóc cây xanh [H5-5.3-04]. Từ đó kích thích, giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước, tự hào về truyền thống dân tộc, giúp việc giảng dạy giáo dục địa phương thực hiện đúng mục tiêu môn học là gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành.

2. Điểm mạnh

Thực hiện chương trình giáo dục địa phương nghiêm túc theo quy định, bám sát chỉ đạo chuyên môn của ngành. Lòng ghép giáo dục địa phương trong các tiết chính khóa, trong các tiết hoạt động NGLL có hiệu quả, có tác dụng giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Giáo dục địa phương của nhà trường phần lớn chỉ tổ chức giảng dạy trên lớp, việc tổ chức cho học sinh đi tham quan thực tế theo nội dung bài học còn ít. Công tác đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, nhà trường tăng cường công tác vận động các nguồn XHHGD để tổ chức cho học sinh đi tham quan thực tế các khu di tích, khu văn hóa của địa phương. Năm học 2023-2024, Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo các tổ chuyên môn và GVBM thực hiện nghiêm túc nội dung giảng dạy, thường xuyên cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương để làm phong phú thêm nội dung bài dạy góp phần thực hiện mục tiêu môn học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hàng năm, nhà trường có xây dựng các kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Cụ thể: kế hoạch hoạt động NGLL [H5-5.4-01]; kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, [H5-5.4-02]; kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cho HS khối 9 [H5-5.4-03].

b) Mỗi năm học, nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh tham gia, tìm hiểu, mở rộng thêm kiến thức bộ môn và định hướng nghề nghiệp, rèn kỹ năng sống. Các kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức trong và ngoài nhà trường với các hình thức hoạt động Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, HĐGD theo chủ đề, phối hợp với trường Trung cấp Hồng Ngự, Trung tâm giới thiệu dịch vụ việc làm Đồng Tháp, Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp tổ chức tư vấn hướng nghiệp phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS [H5-5.4-04].

c) Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, Hiệu trưởng phân công CBQL-GV-NV đảm nhận việc tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp với năng lực của CBQL-GV-NV như: Hoạt động giáo dục NGLL, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp do GVCN các lớp thực hiện; Hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh khối 9 do Hiệu trưởng, GVCN phối hợp với trường Trung cấp Hồng Ngự, Trung tâm giới thiệu việc làm Đồng Tháp, Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp thực hiện [H5-5.4-05].

1.2. Mức 2

a) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức nhiều hình thức phong phú phù hợp với HS như tổ chức các hội thi, sân khấu hóa, tham gia các chuyến về nguồn và tổ chức cho học sinh đi trải nghiệm thực tế công ty Nhật Huy Khang, thành phố Hồ Chí Minh để định hướng nghề nghiệp sau khi các em tốt nghiệp THCS [H5-5.4-06]. Mỗi hình thức tổ chức các em có mặt tham gia đều đóng góp trao đổi nhiệt tình và có ảnh hưởng tích cực trong học tập. Tuy nhiên, trong hoạt động hướng nghiệp một số học sinh ít quan tâm và tham gia chưa đầy đủ.

b) Sau mỗi học kỳ, trong các buổi họp tổ trưởng chuyên môn, họp chủ nhiệm hay trong cuộc họp hội đồng sư phạm Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn, các tổ chuyên môn tổ chức đánh giá, rà soát lại các kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp để rút kinh nghiệm trong các lần tổ chức sau đảm bảo an toàn, hiệu quả hơn [H5-5.4-07].

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch. Có phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

3. Điểm yếu

Còn một số học sinh và cha mẹ học sinh chưa hiểu rõ ý nghĩa của việc phân luồng sau tốt nghiệp Trung học cơ sở nên chưa tham gia đầy đủ trong các buổi nhà trường tổ chức các hoạt động hướng nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, nhà trường sẽ đẩy mạnh cải tiến đổi mới việc tổ chức đa dạng các hình thức tư vấn hướng nghiệp để thu hút học sinh tham gia đầy đủ; tuyên truyền đến phụ huynh học sinh lợi ích của việc học nghề khi còn ngồi trên ghế nhà trường nhằm hạn chế thấp nhất số lượng học sinh sau Tốt nghiệp THCS không tham gia học tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

Mức 4

Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh như: Kỹ năng giáo dục giới tính và hướng dẫn phòng chống xâm hại tình dục trẻ em dành cho học sinh Trung học cơ sở; Kỹ năng phòng chống đuối nước; Kỹ năng tự bảo vệ và chăm sóc bản thân; Kỹ năng sử dụng điện an toàn; Kỹ năng quản lý cảm xúc; Kỹ năng phòng chống cháy nổ; Kỹ năng giao tiếp trong học đường, ... phù hợp với khả năng của học sinh, điều kiện của nhà trường và địa phương thông qua lồng ghép trong các môn học chính khóa, các tiết sinh hoạt chủ nhiệm, các buổi sinh hoạt dưới cờ và trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [**H5-5.5-01**].

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyên biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục như: sinh hoạt dưới cờ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, tổ chức các trò chơi dân gian,... đã giúp học sinh tích lũy, hình thành kỹ năng hiểu biết nhất định về xã hội cũng như những kiến thức pháp luật bổ ích, kỹ năng ứng xử hợp lý với các tình huống trong cuộc sống, sinh hoạt, ứng xử văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau, học sinh có ý thức chấp hành luật giao thông, cách tự phòng tránh tai nạn thương tích. Trong năm học không có học sinh vi phạm luật giao thông; ý thức chấp hành pháp luật của học sinh ngày được nâng cao, không có học sinh vi phạm pháp luật và hạn chế tình trạng bạo lực học đường [**H5-5.5-02**]. Tuy nhiên, còn một số học sinh còn hạn chế về kỹ năng kiềm chế bản thân do tâm sinh lý của học sinh ở độ tuổi thích thể hiện bản thân, muốn người khác chú ý nên có những biểu hiện chưa tốt, nguyên nhân do ảnh hưởng của yếu tố từ xã hội và gia đình thiếu sự quan tâm thường xuyên.

c) Trong quá trình học tập và thông qua các hoạt động giáo dục trong nhà trường học sinh từng bước hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống phù hợp với pháp luật và phong tục, tập quán địa phương, truyền thống văn hóa con người Việt Nam. Đạo đức, lối sống của học sinh có tiến bộ rõ rệt: đa số HS chấp hành tốt ATGT, thực hiện tốt nội qui nhà trường, biết giữ gìn vệ sinh chung, giao tiếp bạn bè hòa nhã không xảy ra tình trạng bạo lực học đường, thực hiện tốt việc chào hỏi thầy

cô người lớn tuổi, mạnh dạn trình bày ý kiến cá nhân không rụt rè, lo sợ, biết quan tâm giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn, bệnh tật, quyên góp mua bảo hiểm y tế tặng bạn nghèo, trồng và chăm sóc cây ở trên lớp và trong sân trường, tự tin tham gia các hoạt động văn nghệ, TDTT,... Kết quả xếp loại hạnh kiểm, kết quả rèn luyện của học sinh hàng năm đều đạt chỉ tiêu đề ra **[H5-5.5-03]**. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít HS vi phạm nội quy bị nhắc nhở, phê bình hàng tuần.

1.2. Mức 2

a) Qua hoạt động dạy và học của nhà trường, tuần lễ sinh hoạt đầu năm giáo viên triển khai đến học sinh các văn bản hiện hành liên quan đến đánh giá học sinh qua quá trình rèn luyện và học tập tại nhà trường như các Thông tư về quy chế đánh giá xếp loại học sinh, Điều lệ trường phổ thông. Trong từng môn học, GV có xây dựng tiêu chí đánh giá và học sinh tự nhận xét, đánh giá theo các tiêu chí này. Trong giờ sinh hoạt lớp, giờ hoạt động ngoại khóa, GVCN thông qua nội quy lớp học, hướng dẫn xếp loại hạnh kiểm, quy trình xử lý kỷ luật học sinh. Từ đó học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của bản thân và của bạn bè. Từng bước hình thành kỹ năng biết tự nhận xét và đánh giá rèn luyện để phát triển toàn diện **[H5-5.5-04]**.

b) Nhà trường thường xuyên đưa những kiến thức đã học vận dụng vào thực tiễn, lồng ghép vào tiết dạy chính khóa, vào hoạt động ngoài giờ lên lớp, phần lớn học sinh tiếp thu kiến thức và từng bước vận dụng kiến thức có hiệu quả vào trong đời sống thực tiễn thông qua việc kiểm tra, đánh giá sản phẩm, dự án và kết quả của bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ của học sinh có nội dung vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kết quả đa số học sinh đều vận dụng tốt các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống thực tế **[H5-5.5-03]**.

1.3. Mức 3

Trong 5 năm qua trường từng bước có nhiều học sinh tham gia dự thi khoa học kỹ thuật cấp huyện, có học sinh dự thi cấp tỉnh ở các lĩnh vực như: Y sinh và Khoa học sức khỏe, Năng lượng Vật lý, Vi sinh, Khoa học thực vật, Kỹ thuật cơ khí. Năm học 2018-2019 có 01 sản phẩm dự thi cấp huyện, 01 sản phẩm dự thi cấp tỉnh của 01 học sinh với sự hướng dẫn của 01 GV; Năm học 2019-2020 có 04 sản phẩm dự thi cấp huyện của 05 học sinh với sự hướng dẫn của 04 GV, 02 sản phẩm dự thi cấp tỉnh của 03 học sinh với sự hướng dẫn của 02 GV; Năm học 2020-2021 có 03 sản phẩm dự thi cấp huyện của 07 học sinh với sự hướng dẫn của 03 GV; Năm học 2021-2022 có 04 sản phẩm dự thi cấp huyện của 07 học sinh với sự hướng dẫn của 04 GV; Năm học 2022-2023 có 03 sản phẩm dự thi cấp huyện của 06 học sinh với sự hướng

dẫn của 03 GV, 02 sản phẩm dự thi cấp tỉnh của 04 học sinh với sự hướng dẫn của 02 GV; Năm học 2022-2023 có 02 sản phẩm của 04 học sinh dự thi cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp huyện [H5-5.5-05].

1.4. Mức 4

Trong 5 năm qua Trường có 33 học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, sáng tạo, theo sự hướng dẫn của GV và đạt 12 giải hội thi khoa học kỹ thuật cấp huyện, 01 giải cấp tỉnh được Phòng GDĐT Tân Hồng, Sở GDĐT Đồng Tháp ghi nhận. Năm học 2018-2019 đạt 01 giải nhì; Năm học 2019-2020 đạt 03 giải (01 giải ba, 02 giải khuyến khích); Năm học 2020-2021 đạt 03 giải khuyến khích; Năm học 2021-2022 đạt 03 giải khuyến khích; Năm học 2022-2023 đạt 02 giải khuyến khích; đạt 01 giải Tư cấp tỉnh; Năm học 2022-2023 có 01 sản phẩm của 02 học sinh đạt giải khuyến khích cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp huyện [H5-5.5-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho HS thông qua các môn học, các hoạt động học tập trên lớp, trong hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục NGLL theo chủ điểm hàng tháng đúng quy định của ngành và kế hoạch của nhà trường. Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán của địa phương và nội quy của nhà trường. HS có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ và tích cực tham gia hội thi khoa học kỹ thuật đạt giải cấp huyện, cấp tỉnh.

3. Điểm yếu

Học sinh còn hạn chế về kỹ năng kiềm chế cảm xúc, còn HS vi phạm nội quy bị nhắc nhở, phê bình hàng tuần.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023–2024, Hiệu trưởng trường tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ và bồi đắp kinh nghiệm cho giáo viên trong việc rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh. Hiệu trưởng chỉ đạo cho TPT Đội phối hợp với các đoàn thể, GVCN, GVBM tổ chức nhiều phong trào cho HS tham gia nhằm rèn luyện nhiều kỹ năng cho học sinh. Chỉ đạo GVCN sinh hoạt hàng tuần về nội quy nhà trường, có theo dõi và xử lý kịp thời khi có HS vi phạm. TPT Đội có phân công đội sao đỏ theo dõi, ghi nhận và trong sinh hoạt chào cờ hàng tuần có tuyên dương HS thực hiện tốt, phê bình HS thực hiện chưa tốt nội quy nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 4

Tiêu chí 6: Kết quả giáo dục

Mức 1

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường

trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

Mức 4

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường qua 5 năm liền từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022- 2023, cụ thể: Về hạnh kiểm, hằng năm học sinh được xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt tỉ lệ trên 99%, không có học sinh bị xếp loại hạnh kiểm yếu; Về học lực: Loại giỏi đạt 12,7%, loại khá đạt 43,2%, loại yếu kém 0,9% [H5-5.6-01].

b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường và có chuyển biến tích cực trong 05 năm từ năm học 2018–2019 đến năm học 2022–2023 như sau: Tỷ lệ HS lên lớp duy trì và ổn định trên 98,0% [H5-5.6-02]; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS duy trì và ổn định trên 99,0% [H5-5.6-03].

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức phân luồng học sinh thông qua công tác dạy hướng nghiệp. Trong giờ hướng nghiệp giáo viên phân tích những thuận lợi khó khăn đối với học sinh có học lực trung bình và những học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bên cạnh đó nhà trường phối hợp với Trường Trung cấp Hồng Ngự, Trung tâm giới thiệu dịch vụ việc làm Đồng Tháp để giới thiệu đến cha mẹ học

sinh, học sinh các ngành nghề do trường đào tạo. Kết quả năm học 2022-2023 có 52/57 (tỉ lệ 91,23%) học sinh trúng tuyển vào học lớp 10 Trung học phổ thông, 5,3% học sinh tham gia học nghề, bình quân hàng năm tỉ lệ học sinh học THPT và các trường nghề đạt tỉ lệ hơn 90% [H5-5.6-04].

1.1. Mức 2

a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 1

b) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo b Mức 1

1.1. Mức 3

a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 1

b) Hằng năm, tỉ lệ học sinh lưu ban không quá 02% (năm học 2018-2019 là 1,3%; năm học 2019-2020 là 1,4%; năm học 2020-2021 là 0,3%; năm học 2021-2022 là 1,4%; năm học 2022-2023 là 0,0%). Tuy nhiên, tỉ lệ học sinh bỏ học còn cao (năm học 2018-2019 là 1,9%; năm học 2019-2020 là 1,3%; năm học 2020-2021 là 2,2%; năm học 2021-2022 là 1,3%; năm học 2022-2023 là 1,0%) [H5-5.6-05].

b) Tỉ lệ học sinh lưu ban đạt theo quy định, tỉ lệ học sinh bỏ học chưa đáp ứng theo quy định.

1.4. Mức 4

Đến thời điểm đánh giá, kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường chưa được cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp: học lực khá, giỏi tăng từ 37,2% lên 73,84%, hạnh kiểm tốt đạt trên 90%. Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp bình quân trong 05 năm trên 99%. Tỉ lệ học sinh lưu ban không quá 2%. Bình quân trên 99% học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS. Tỉ lệ học sinh tham gia thi tuyển và đỗ vào lớp 10 THPT hàng năm đạt trên 82%. Hàng năm, nhà trường đều có phối hợp với các trường nghề tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9.

3. Điểm yếu

Còn học sinh có học lực yếu, tỉ lệ học sinh bỏ học còn vượt quá 1,0%, học sinh nghỉ học sau khi tốt nghiệp THCS tham gia lao động tự do vẫn còn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng chỉ đạo tăng cường hơn nữa việc phối hợp giữa các GVBM với nhau, giữa GVBM với GVCN, giữa GVBM với gia đình HS để có biện pháp phù hợp cải tiến chất lượng học tập của HS. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng,

kế hoạch phụ đạo phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị để nâng dần chất lượng đại trà trong HS. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đề ra giải pháp hướng nghiệp tốt hơn để học sinh có động cơ học tập, có nghề trước khi lao động kiếm sống, hạn chế tình trạng bỏ học vượt quá quy định, bỏ địa phương. Tiếp tục đổi mới công tác dạy- học và các hoạt động khác trong 05 năm tiếp theo để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; phấn đấu có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

*** Điểm mạnh:**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục cho cả năm học, học kỳ, tháng trên cơ sở hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng GD&ĐT.

GVBM sử dụng hợp lý SGK, hướng dẫn HS cách sử dụng SGK phù hợp. GVBM thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh trong quá trình dạy học.

Thực hiện chương trình giáo dục địa phương nghiêm túc theo quy định, bám sát chỉ đạo chuyên môn của ngành.

Hằng năm nhà trường có tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian và sinh hoạt tập thể cho HS.

Học sinh được giáo dục về kỹ năng sống thông qua học tập trong các chương trình chính khóa và rèn luyện trong các hoạt động xã hội theo kế hoạch của nhà trường.

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp đáp ứng mục tiêu giáo dục.

*** Điểm yếu:**

Chất lượng của HS chưa thật đồng đều, tỷ lệ HS giỏi còn ít, học sinh yếu, kém vẫn còn nhiều.

Công tác đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương của các tổ chuyên môn chưa kịp thời.

Việc tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian chưa có sự tham gia của học sinh ngoài trường. Số lượng học sinh đạt giải còn hạn chế.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Đối chiếu các kết quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với Bộ tiêu chuẩn quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng tự đánh giá Trường Trung học cơ sở Tân Phước đã đánh giá đủ 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí với 84 chỉ báo. Kết quả như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt:

	Không đạt		Đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Mức 1	00/28	0,0%	28/28	100,0%
Mức 2	00/28	0,0%	28/28	100,0%
Mức 3	11/20	55,0%	09/20	45,0%
Mức 4	05/6	83,3%	01/6	16,7%

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: **Mức 2**
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt KĐCLGD: **Cấp độ 2**
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt CQG: **Mức độ 1**

Tân Hồng, ngày 14 tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Võ Văn Tài

PHẦN IV. CÁC PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1. DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Năm 2022, 2023	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.1-02]	Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2022-2027 và tầm nhìn đến năm 2032	Kế hoạch số 186/KH-THCSTP ngày 10/8/2022	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.1-03]	Biên bản công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Hình ảnh công khai với hình thức niêm yết tại bảng thông tin trường, trên website.	Tháng 10/2022	Văn thư	
	4	[H1-1.1-04]	Quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên hội đồng trường Biên bản giám sát thực hiện Kế hoạch chiến lược của Hội đồng trường.	Tháng 5/2023	Hội đồng trường	
	5	[H1-1.1-05]	Biên bản thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh và đóng góp ý kiến về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Tháng 8/2023	Văn thư	
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027	Quyết định số 66/QĐ-UBND.TL ngày	UBND Huyện	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				17/3/2022		
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng	Quyết định số 261/QĐ-THCSTP ngày 14/10/2022	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập các Hội đồng khác (Hội đồng tư vấn, Hội đồng thẩm định SKKN)	Quyết định số 249/QĐ-THCSTP ngày 13/10/2022; Quyết định số 151/QĐ-THCSTP ngày 21/7/2023	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.2-04]	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường, Quy chế hoạt động của Hội đồng trường; Biên bản cuộc họp của Hội đồng trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Thư ký Hội đồng Trường	
	5	[H1-1.2-05]	Biên bản họp của Hội đồng thi đua khen thưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	6	[H1-1.2-06]	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng tư vấn.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	7	[H1-1.2-07]	Báo cáo hoạt động của Hội đồng trường.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Thư ký Hội đồng Trường	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định chuẩn y BCH Công đoàn.	Quyết định số 24/QĐ-LĐLĐ ngày 24/4/2023	Liên đoàn lao động huyện Tân Hồng	
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định thành lập Chi đoàn ghép của Ban	Quyết định số 10/QĐ-ĐTN ngày 03/5/2021	Xã đoàn Tân	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			thường vụ xã Đoàn Tân Phước		Phước	
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định chuẩn y Ban chỉ huy Liên Đội	Quyết định số 37/QĐ-HĐĐ ngày 30/11/2022	Hội đồng đội huyện Tân Hồng	
	4	[H1-1.3-04]	Quyết định thành lập hội khuyến học, hội chữ thập đỏ	Quyết định số 251/QĐ-THCSTP ngày 14/10/2022	Hội khuyến học xã Tân Phước, Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.3-05]	Văn kiện Đại hội Công đoàn; Quy chế làm việc của Công đoàn Kế hoạch hoạt động của Công đoàn	Quyết định số 01/QĐ-CĐCSTHCSSTP	BCH Công đoàn	
	6	[H1-1.3-06]	Kế hoạch hoạt động của Chi đoàn	Năm học 2022-2023	Chi đoàn	
	7	[H1-1.3-07]	Văn kiện Đại hội Liên Đội	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách Đội	
	8	[H1-1.3-08]	Kế hoạch hoạt động của Chi hội khuyến học	Năm học 2022-2023	Chi hội khuyến học	
	9	[H1-1.3-09]	Kế hoạch hoạt động của Chi hội chữ thập đỏ	Năm học 2022-2023	Chi hội chữ thập đỏ	
	10	[H1-1.3-10]	Biên bản họp, báo cáo kết quả hoạt động của Công đoàn	Năm học 2022-2023	BCH Công đoàn	
	11	[H1-1.3-11]	Biên bản họp, báo cáo kết quả hoạt động của Chi đoàn	Năm học 2022-2023	Chi đoàn	
	12	[H1-1.3-12]	Biên bản họp, báo cáo kết quả hoạt động	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			của Liên Đội	Năm học 2022-2023	Đội	
	13	[H1-1.3-13]	Quyết định chuẩn y chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025 Hình ảnh hoạt động của Chi bộ	Quyết định số 55-QĐ/ĐU ngày 04/8/2022	Đảng ủy xã Tân Phước	
	14	[H1-1.3-14]	Sổ biên bản họp Chi bộ hàng tháng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Thư ký Chi bộ	
	15	[H1-1.3-15]	Quyết định xếp loại Chi bộ	Năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Đảng ủy xã Tân Phước	
	16	[H1-1.3-16]	Hình ảnh hoạt động của Công đoàn	Năm học 2022-2023	BCH Công đoàn	
	17	[H1-1.3-17]	Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn	Năm học 2022-2023	Chi đoàn	
	18	[H1-1.3-18]	Hình ảnh hoạt động của Liên Đội	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách Đội	
	19	[H1-1.3-19]	Quyết định đánh giá, xếp loại Công đoàn	Năm 2021, 2022	BCH Công đoàn	
	20	[H1-1.3-20]	Quyết định đánh giá, xếp loại Chi đoàn	Năm 2021, 2022	Chi đoàn	
	21	[H1-1.3-21]	Quyết định đánh giá, xếp loại Liên đội	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách Đội	
	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	Quyết định số 187/QĐ-PGDĐT ngày 07/6/2017; Quyết định số 148/QĐ-UBND.TCCB ngày	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				03/6/2022		
Tiêu chí 1.4	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng	Quyết định số 403/QĐ-PGDĐT ngày 19/8/2014; Quyết định số 270/QĐ-UBND.TCCB ngày 06/8/2019	Phó hiệu trưởng	
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định thành lập Tổ, Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng tổ Toán –Tin học-tiếng Anh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	4	[H1-1.4-04]	Quyết định thành lập Tổ, Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng tổ Văn-Sử-Địa-GDCD-Nghệ thuật	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	5	[H1-1.4-05]	Quyết định thành lập Tổ, Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên-Công nghệ-GDTC	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	6	[H1-1.4-06]	Quyết định thành lập Tổ, Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng tổ Văn phòng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	7	[H1-1.4-07]	Kế hoạch tổ chuyên môn Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng tổ chuyên môn	
	8	[H1-1.4-08]	Kế hoạch tổ Văn phòng Biên bản sinh hoạt tổ văn phòng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng tổ văn phòng	
	9	[H1-1.4-09]	Hồ sơ chuyên đề của tổ chuyên môn	Năm học 2021-2022	Tổ trưởng tổ	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022-2023	chuyên môn	
	10	[H1-1.4-10]	Báo cáo sơ, tổng kết hoạt động tổ chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng tổ chuyên môn	
	11	[H1-1.4-11]	Báo cáo sơ, tổng kết của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học (họ và tên GVCN, họ và tên lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó) Sổ đăng bộ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm Biên bản bầu Ban cán sự lớp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.5-03]	Biên bản sinh hoạt lớp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.5-04]	Sổ gọi tên và ghi điểm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
	1	[H1-1.6-01]	Quy chế văn thư lưu trữ của nhà trường Danh mục hệ thống hồ sơ, sổ sách quản lý hành chính của nhà trường. Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến Hình ảnh chụp tủ chứa các loại sổ, văn bản, tài liệu	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ văn phòng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.6	2	[H1-1.6-02]	Dự toán thu chi ngân sách nhà nước	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán	
	3	[H1-1.6-03]	Công khai thực hiện dự toán, báo cáo quyết toán thu chi ngân sách nhà nước Biên bản kiểm tra nội bộ về công tác tài chính	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán	
	4	[H1-1.6-04]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán	
	5	[H1-1.6-05]	Hình ảnh phần mềm quản lý tài sản Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục Biên bản kiểm kê tài sản cố định	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán	
	6	[H1-1.6-06]	Danh sách thu nhập tăng thêm hằng năm	Năm 2021, 2022	Kế toán	
	7	[H1-1.6-07]	Danh sách phần mềm nhà trường đang sử dụng Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số của nhà trường Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	8	[H1-1.6-08]	Báo cáo tài chính hằng năm của nhà trường		Kế toán	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường	Năm học 2022-2023	Văn thư	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	2	[H1-1.7-02]	Bảng phân công chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	3	[H1-1.7-03]	Biên bản họp của Hội đồng sư phạm nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường Kế hoạch giáo dục của giáo viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	3	[H1-1.4-11]	Báo cáo sơ, tổng kết của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	4	[H1-1.8-03]	Kế hoạch, biên bản kiểm tra nội bộ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	5	[H1-1.8-04]	Báo cáo sơ, tổng kết công tác kiểm tra nội bộ Biên bản kiểm tra công tác quản lý các hoạt động giáo dục của Phòng GD&ĐT đối với nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	6	[H1-1.8-05]	Giấy khen của UBND huyện Tân Hồng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp	Năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Văn thư	
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Biên bản hội nghị CBVC và người lao động	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	2	[H1-1.9-02]	Báo cáo giải trình ý kiến đóng góp văn kiện hội nghị CBVC và người lao động Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	3	[H1-1.9-03]	Nghị quyết hội nghị CBVC và người lao động	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Trưởng ban thanh tra nhân dân	
	5	[H1-1.9-05]	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Chủ tịch Công đoàn	
	6	[H1-1.9-06]	Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở 06 tháng đầu năm, cuối năm Hồ sơ 3 công khai	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án đảm bảo an ninh trật tự	Năm học 2022-2023	Văn thư
2		[H1-1.10-02]	Phương án an toàn thực phẩm	Năm học 2022-2023	Y tế	
3		[H1-1.10-03]	Phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích	Năm học 2022-2023	Văn thư	
4		[H1-1.10-04]	Phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ	Năm học 2022-2023	Văn thư	
5		[H1-1.10-05]	Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai	Năm học 2022-2023	Văn thư	
6		[H1-1.10-06]	Phương án phòng, chống dịch bệnh Hồ sơ căng tin	Năm học 2022-2023	Y tế	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	7	[H1-1.10-07]	Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường	Năm học 2022-2023	Văn thư	
	8	[H1-1.10-08]	Hình ảnh hộp thư góp ý Thông báo số điện thoại đường dây nóng của nhà trường	Năm học 2022-2023	Văn thư	
	9	[H1-1.10-09]	Kế hoạch phối hợp đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường Hình ảnh tuyên truyền	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	10	[H1-1.10-10]	Hình ảnh công, hàng rào, dây điện, quạt, đèn, bàn ghế của nhà trường	Năm học 2022-2023	Giáo viên thể dục	
	11	[H1-1.10-11]	Hình ảnh cây xanh trong khuôn viên trường	Năm học 2022-2023	Giáo viên thể dục	
	12	[H1-1.10-12]	Quyết định, Giấy chứng nhận trường đạt chuẩn An toàn về an ninh trật tự	Năm 2020, 2021, 2022	Văn thư	
	13	[H1-1.10-13]	Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới”	Năm học 2022-2023	Văn thư	
	14	[H1-1.7-03]	Biên bản họp của Hội đồng sư phạm nhà trường Hình ảnh tuyên truyền	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	15	[H1-1.10-14]	Hồ sơ tổ tư vấn học đường	Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí	1	[H2-2.1-01]	Bảng cấp về chuyên môn, chính trị của Hiệu trưởng	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
2.1	2	[H2-2.1-02]	Bằng cấp về chuyên môn, chính trị của Phó hiệu trưởng (thông báo nhập học lớp Trung cấp Chính trị)	Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	3	[H2-2.1-03]	Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. Thông báo nhận xét, xếp loại của UBND huyện đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	4	[H2-2.1-04]	Giấy khám sức khỏe của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	5	[H2-2.1-05]	Phiếu đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của Phòng GD&ĐT	Từ năm học 2011-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	6	[H2-2.1-06]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn, văn bản tập huấn, chứng chỉ cán bộ quản lý giáo dục của Hiệu trưởng.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	7	[H2-2.1-07]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, văn bản tập huấn của Phó hiệu trưởng.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	8	[H2-2.1-08]	Văn bản triệu tập học tập Nghị quyết, chuyên đề	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	9	[H2-2.1-09]	Biên bản ý kiến của GV, NV nhận xét đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
		1	[H1-1.7-02]	Bảng phân công chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 2.2	2	[H2-2.2-01]	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo Văn bằng chuyên môn của giáo viên.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	3	[H2-2.2-02]	Bảng tổng hợp đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ năm 2019 đến 2023 Thông báo đánh giá của Trường đối với giáo viên	Từ năm 2019 đến năm 2023	Văn thư	
	4	[H2-2.2-03]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	5	[H2-2.2-04]	Quyết định phân công giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu Khoa học kỹ thuật	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	6	[H2-2.2-05]	Quyết định công nhận đề tài, sáng kiến đạt cấp huyện từ năm 2019 đến 2022 Các giấy khen, giấy chứng nhận đối với giáo viên của cấp có thẩm quyền.	Từ năm 2019 đến năm 2022	Văn thư	
Tiêu chí 2.3	1	[H1-1.7-02]	Bảng phân công chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	2	[H2-2.3-01]	Quy chế làm việc của Trường Quyết định phân công nhiệm vụ giáo viên, nhân viên	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.2-05]	Biên bản họp của Hội đồng thi đua khen	Năm học 2021-2022	Văn thư	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			thưởng	Năm học 2022-2023		
	4	[H2-2.3-02]	Thông báo đánh giá của Trường đối với nhân viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	5	[H2-2.3-03]	Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hồ sơ viên chức của nhân viên	
	6	[H2-2.3-04]	Công văn, văn bản triệu tập nhân viên tham dự bồi dưỡng, tập huấn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hồ sơ viên chức của nhân viên	
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Sổ đăng bộ Sổ gọi tên và ghi điểm Sổ chủ nhiệm	Năm học 2018 – 2019 đến 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	2	[H2-2.4-02]	Kế hoạch tuần lễ sinh hoạt học đường Hình ảnh tổ chức tuần lễ sinh hoạt học đường Biên bản xử lý học sinh vi phạm	Năm học 2021-2022, 2022-2023	Tổng phụ trách Đội	
	3	[H2-2.4-03]	Hình ảnh học sinh tham gia TĐTT, VHVN. Danh sách học sinh được trợ cấp (HTCPHT, miễn giảm học phí, hỗ trợ BHYT,...)	Năm học 2021-2022, 2022-2023	Kế toán, Phó hiệu trưởng	
	4	[H2-2.4-04]	Biên bản xử lý học sinh vi phạm, bản kiểm điểm Hồ sơ Tổng phụ trách Đội (Sổ theo dõi hoạt động cờ đỏ)	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội	
	5	[H2-2.4-05]	Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	6	[H2-2.4-06]	Hình ảnh học sinh ủng hộ kinh phí giúp đỡ bạn khó khăn	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Sơ đồ tổng thể khuôn viên, cây xanh; Hình ảnh khuôn viên cây xanh	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
	2	[H3-3.1-02]	Kế hoạch lao động từng năm học Hình ảnh các khu vực bố trí thùng rác	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh công trường, biển tên trường, hàng rào. Hồ sơ thiết kế xây dựng trường	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
	4	[H3-3.1-04]	Hình ảnh khu sân chơi	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
	5	[H3-3.1-05]	Hình ảnh khu bãi tập	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
	6	[H3-3.1-06]	Hình ảnh các thiết bị phục vụ học tập thể dục thể thao	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
	7	[H3-3.1-07]	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh các phòng học	Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng Tổ Lí-Hóa-Sinh. Công nghệ-GDTC	
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh các phòng bộ môn	Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng Tổ Lí-Hóa-Sinh. Công nghệ-GDTC	
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh phòng Đoàn-Đội, phòng truyền thống, thư viện	Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng Tổ Khoa học tự	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
					nhiên- Công nghệ-GDTC	
	4	[H3-3.2-04]	Hồ sơ thiết kế các phòng học, phòng bộ môn	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	5	[H3-3.2-05]	Hình ảnh các phòng khối phục vụ học tập (phòng thiết bị giáo dục, phòng tư vấn)	Năm học 2022-2023	Tổ trưởng Tổ Khoa học tự nhiên- Công nghệ-GDTC	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khối phòng hành chính (phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, phòng các tổ chuyên môn, phòng y tế trường học, nhà kho, phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể	Năm học 2022-2023	Tổ trưởng Tổ Khoa học tự nhiên- Công nghệ-GDTC	
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh nhà xe giáo viên, học sinh	Năm học 2022-2023	Tổ trưởng Tổ Khoa học tự nhiên- Công nghệ-GDTC	
	3	[H3-3.3-03]	Kế hoạch sửa chữa, bảo trì máy vi tính Hợp đồng bảo trì máy tính	Năm học 2022-2023	Tổ trưởng Tổ Khoa học tự nhiên- Công nghệ-GDTC	
	4	[H3-3.3-04]	Biên bản kiểm tra căngtin	Năm học 2022-2023	Nhân viên y tế	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh khu nhà vệ sinh của học sinh và giáo viên; Hợp đồng thuê mướn dọn dẹp	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			nhà vệ sinh			
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh công thoát nước	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng nước sạch, Phiếu thu tiền nước, hóa đơn nước uống	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
	4	[H3-3.4-04]	Hình ảnh trang bị máy nước nóng lạnh phục vụ cho CBQL-GV-NV	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
	5	[H3-3.4-05]	Hình ảnh thùng rác; Hợp đồng thu gom rác	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hình ảnh máy vi tính, máy in, tủ hồ sơ Văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng, hình ảnh phòng học có tivi, hình ảnh kết nối mạng internet	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Giáo viên phụ trách thiết bị	
	2	[H3-3.5-02]	Thông kê danh mục thiết bị đồ dùng, Danh mục cấp thiết bị tối thiểu CTGDPT 2018	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Giáo viên phụ trách thiết bị	
	3	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm kê thiết bị dạy học; Kế hoạch sửa chữa các Thiết bị hư hỏng; Các hóa đơn sửa chữa Hóa đơn, chứng từ mua thiết bị, hóa chất	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Giáo viên phụ trách thiết bị Kế toán	
	4	[H3-3.5-04]	Báo cáo công tác mượn trả thiết bị của giáo viên (trên phần mềm) Hợp đồng mạng với Viettel và VNPT Hóa đơn tiền mạng/tháng	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Giáo viên phụ trách thiết bị Kế toán	
	5	[H3-3.5-05]	Hình ảnh giáo viên ứng dụng CNTT giảng dạy	Năm học 2023-2024	Giáo viên phụ trách thiết bị	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			Kế hoạch sử dụng phòng bộ môn		Kế toán	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục các loại sách, báo, tài liệu	Năm học 2022 – 2023	Nhân viên Thư viện	
	2	[H3-3.6-02]	Hóa đơn thu tiền báo hằng quý	Năm học 2022 - 2023	Nhân viên Thư viện	
	3	[H3-3-06-03]	Hình ảnh trong phòng thư viện Lịch trực của cán bộ thư viện Hình ảnh CBQL-GV-NV và học sinh đọc sách tại thư viện	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên Thư viện	
	4	[H3-3.6-04]	Kế hoạch tổ chức giới thiệu sách Hình ảnh giới thiệu sách	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên Thư viện	
	5	[H3-3.6-05]	Báo cáo sơ, tổng kết của thư viện	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên Thư viện	
	6	[H3-3.6-06]	Biên bản kiểm kê hằng năm; Danh mục sách, ấn phẩm các nguồn tài trợ	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên Thư viện	
	7	[H3-3.6-07]	Giấy chứng nhận thư viện tiên tiến		Nhân viên Thư viện	
	8	[H3-3.6-08]	Kế hoạch (hình ảnh) triển khai việc đọc sách qua phần mềm quản lý thư viện tại địa chỉ https://thuvienonline.vhmt.vn/Account/Login	Năm học 2022 - 2023	Nhân viên Thư viện	
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, của trường	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Văn thư	
	2	[H4-4.1-02]	Quyết định thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	3	[H4-4.1-03]	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh Hình ảnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	4	[H4-4.1-04]	Nghị quyết hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; Kế hoạch (quy chế) hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh Hình ảnh học sinh nhận hỗ trợ BHYT, dụng cụ học tập	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	5	[H4-4.1-05]	Kế hoạch (quy chế) phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2021-2022 và 2022-2023 (hình ảnh các cuộc họp giữa hai bên)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	6	[H4-4.1-06]	Hình ảnh tham gia vận động học sinh của Ban đại diện cha mẹ học sinh, biên bản vận động	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	7	[H4-4.1-07]	Danh sách học sinh nhận kinh phí khen thưởng từ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán	
	8	[H4-4.1-08]	Sổ thống kê xã hội hóa hằng năm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Các văn bản tham mưu (kế hoạch huy động và duy trì sĩ số học sinh, Kế hoạch Phổ cập giáo dục)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	2	[H4-4.2-02]	Hình ảnh tổ chức tuần lễ sinh hoạt học	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			đường	Năm học 2022-2023	Đội	
	3	[H4-4.2-03]	Hình ảnh tuyên truyền của công an xã, huyện	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách Đội	
	4	[H4-4.2-04]	Kế hoạch phối hợp với Công an xã Tân Phước thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và an toàn xã hội	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	5	[H4-4.2-05]	Kế hoạch phối hợp với Trung tâm Y tế trong công tác tuyên truyền (kèm hình ảnh)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Nhân viên y tế	
	6	[H3-3.1-02]	Sơ đồ tổng thể khuôn viên, cây xanh; Hình ảnh các ghế đá trong nhà trường	Năm học 2022 - 2023	Giáo viên thể dục	
	7	[H4-4.1-08]	Sổ thống kê xã hội hóa hằng năm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán	
	8	[H4-4.2-06]	Giấy triệu tập học lớp Trung cấp Chính trị của GV		Chủ tịch Công đoàn	
	9	[H4-4.2-07]	Kế hoạch, hình ảnh các cuộc tuyên truyền dưới cờ, thăm địa chỉ đỏ, gia đình cách mạng,...	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Đoàn, Đội	
	10	[H4-4.2-08]	Quyết định công nhận đạt đơn vị văn hóa	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Chủ tịch Công đoàn	
Tiêu chí 5.1	1	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động GDNGLL; Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp, Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú	
	3	[H5-5.1-02]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên; Kế hoạch bài dạy (giáo án).	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng		
	4	[H5-5.1-03]	Các đề kiểm tra thường xuyên, định kỳ	Năm học 2022-2023	Tổ trưởng		
	5	[H1-1.8-01]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng		
	6	[H1-1.4-07]	Kế hoạch tổ chuyên môn Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng tổ chuyên môn		
	7	[H5-5.1-04]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa. Quyết định phân công giáo viên bồi dưỡng HSG	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng		
	8	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng		
	9	[H5-5.1-05]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng		
	10	[H5-5.1-06]	Biên bản kiểm tra việc thực hiện chương trình của nhà trường với GV. Biên bản họp của Hội đồng sư phạm nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng Văn thư		
	Tiêu chí 5.2	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
		2	[H5-5.2-01]	Kế hoạch giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện			
	3	[H5-5.2-02]	Kết quả thi học sinh giỏi các môn học. Thành tích, phong trào (QĐKT, GK HSG)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	4	[H5-5.2-03]	Đề tài SKKN. Biên bản họp chuyên môn của các tổ chuyên môn và nhà trường (HSKK, NK, Gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng tổ chuyên môn	
	5	[H1-1.4-11]	Báo cáo sơ, tổng kết của nhà trường Danh sách học sinh nghèo, KK, NK kết quả học tập tốt hơn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	6	[H5-5.2-04]	Quyết định khen thưởng học sinh đạt giải, danh sách học sinh đạt giải về các môn học	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Bản phân công giáo viên giảng dạy nội dung giáo dục địa phương Kế hoạch giảng dạy GDĐP	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương. Đề kiểm tra (GDĐP)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên bộ môn	
	3	[H5-5.3-03]	Giáo án giảng dạy nội dung chương trình giáo dục địa phương	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên bộ môn	
	4	[H5-5.3-04]	Hình ảnh HS tham gia hoạt động các nội dung giáo dục địa phương.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên bộ môn	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch dạy học hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp (Chương trình GDPT 2018 khối 6,7)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	3	[H5-5.4-03]	Kế hoạch dạy học hướng nghiệp học sinh khối 9	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên bộ môn	
	4	[H5-5.4-04]	Hình ảnh hội thảo phân luồng sau TN THCS. Giáo án, đề kiểm tra dạy học hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H5-5.4-05]	Bản phân công dạy học hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp, giáo dục hướng nghiệp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
	6	[H5-5.4-06]	Hình ảnh học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên bộ môn	
	7	[H5-5.4-07]	Biên bản rà soát đánh giá dạy học hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp và dạy học hướng nghiệp học sinh khối 9	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	2	[H5-5.5-02]	Sổ sinh theo dõi quản lý và xử lý học sinh hàng ngày	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổng phụ trách Đội	
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh tổ chức giáo dục kỹ năng sống	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			cho học sinh	Năm học 2022-2023	Đội	
	4	[H5-5.5-04]	Thống kê kết quả Hạnh kiểm 02 năm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	
	5	[H5-5.5-05]	Quyết định phân công hướng dẫn học sinh, danh sách học sinh tham gia hội thi khoa học kỹ thuật, hội thi sáng tạo thanh thiếu niên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	6	[H5-5.5-06]	Quyết định, danh sách học sinh được khen thưởng hội thi KHKT, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Báo cáo kết quả học lực, hạnh kiểm hằng năm của nhà trường.	Năm học 2018-2019 đến Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.6-02]	Kết quả học sinh lên lớp	Năm học 2018-2019 đến Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	3	[H5-5.6-03]	Kết quả học sinh tốt nghiệp THCS	Năm học 2018-2019 đến Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	4	[H5-5.6-04]	Thống kê kết quả học sinh trúng tuyển lớp 10 và học nghề	Năm học 2018-2019 đến Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	
	5	[H5-5.6-05]	Thống kê học sinh bỏ học, lưu ban	Năm học 2018-2019 đến Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	

PHỤ LỤC 2: THỐNG KÊ KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC
(05 năm, từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023)

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2018-2019												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	80/34	1	1,3%	24	30,0%	54	67,5%			1	1,3%
2	7	92/47	6	6,5%	31	33,7%	52	56,5%			3	3,3%
3	8	71/30	3	4,2%	25	35,2%	43	60,6%				
4	9	56/27	6	10,7%	20	35,7%	30	53,6%				
Toàn trường		299/138	16	5,4%	100	33,4%	179	59,9%			4	1,3%

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2019-2020												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	83/40	7	8,4%	16	19,3%	60	72,3%				
2	7	72/31	2	2,8%	30	41,7%	38	52,8%	1	1,4%	1	1,4%
3	8	73/39	7	9,6%	20	27,4%	45	61,6%	1	1,4%		
4	9	65/30	3	4,6%	24	36,9%	37	56,9%	1	1,5%		
Toàn trường		293/140	19	6,5%	90	30,7%	180	61,4%	3	1,1%	1	0,3%

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2020-2021												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	92/44	11	11,96%	52	56,52%	29	31,52%				
2	7	77/36	6	7,79%	30	38,96%	40	51,95%			1	1,3%
3	8	63/25	3	4,76%	37	58,73%	23	36,51%				
4	9	67/36	6	8,96%	32	47,76%	29	43,28%				
Toàn trường		299/141	26	8,7%	151	50,5%	121	40,5%			1	0,3%

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2021-2022												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	72/34	8	11,1%	37	51,4%	24	33,8%	3	4,2%		
2	7	88/40	20	22,7%	40	45,5%	28	31,8%				
3	8	64/30	9	14,1%	35	54,7%	19	29,7%	1	1,6%		
4	9	61/26	22	36,1%	35	57,4%	4	6,6%				
Toàn trường		285/130	59	20,7%	147	51,6%	75	26,3%	4	1,4%		

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2022-2023												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	69/41	12	17,39%	36	52,17%	21	30,43%				
2	7	64/30	6	9,38%	32	50,0%	26	40,63%				
3	8	85/39	35	41,18%	41	48,24%	9	10,59%				
4	9	61/28	12	19,67%	32	52,46%	17	27,87%				
Toàn trường		279/138	65	23,3%	141	50,5%	73	26,2%				

PHỤ LỤC 3: THỐNG KÊ KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM
(05 năm, từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023)

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2018-2019												
STT	Khôi	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	80/34	77	96,3%	3	3,7%						
2	7	92/47	89	96,7%	3	3,3%						
3	8	71/30	59	83,1%	12	16,9%						
4	9	56/27	56	100,0%								
Toàn trường		299/138	281	94,0%	18	6,0%						

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2019-2020												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	83/40	81	97,6%	2	2,4%						
2	7	72/31	63	87,5%	9	12,5%						
3	8	73/39	68	93,2%	5	6,8%						
4	9	65/30	59	90,8%	5	7,7%	1	1,5%				
Toàn trường		293/140	271	92,5%	21	7,2%	1	0,3%				

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2020-2021												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	92/44	91	98,9%	1	1,1%						
2	7	77/36	62	80,5%	15	19,5%						
3	8	63/25	53	84,1%	10	15,9%						
4	9	67/36	67	100,0%								
Toàn trường		299/141	273	91,3%	26	8,7%						

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2021-2022												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	72/34	65	90,3%	7	9,7%						
2	7	88/40	88	100,0%								
3	8	64/30	44	68,8%	20	31,2%						
4	9	61/26	61	100,0%								
Toàn trường		285/130	258	90,5%	27	9,5%						

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2022-2023												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	69/41	69	100,0%								
2	7	64/30	62	96,88%	2	3,13%						
3	8	85/39	85	100,0%								
4	9	61/28	61	100,0%								
Toàn trường		279/138	277	99,3%	2	0,7%						

PHỤ LỤC 4: THỐNG KÊ TỶ LỆ LÊN LỚP, LƯU BAN, BỎ HỌC, KẾT QUẢ THI HSG CÁC MÔN
(05 năm, từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023)

I. TỶ LỆ LÊN LỚP, LƯU BAN, BỎ HỌC (TỶ LỆ %)

Khối	Lên lớp					Lưu ban					Bỏ học				
	2018	2019	2020	2021	2022	2018	2019	2020	2021	2022	2018	2019	2020	2021	2022
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	2019	2020	2021	2022	2023	2019	2020	2021	2022	2023	2019	2020	2021	2022	2023
6	79/80 =98,7%	83/83 =100%	92/92 =100%	69/72 =95,8%	69/69 =100%	1/80 =1,3%			3/72 =4,2%				1/95 =1,1%		1/71 =1,4%
7	89/92 =96,7%	70/72 =97,2%	76/77 =98,7%	88/88 =100%	64/64 =100%	3/92 =3,3%	2/72 =2,8%	1/77 =1,3%			4/99 =4,0%	3/82 =3,7%	4/84 =4,8%	2/92 =2,2%	1/70 =1,4%
8	71/71 =100%	72/73 =98,6%	63/63 =100%	63/64 =98,4%	85/85 =100%		1/73 =1,4%		1/64 =1,6%		2/73 =2,7%		2/68 =2,9%	2/74 =2,7%	1/88 =1,1%
9	56/56 =100%	64/65 =98,5%	67/67 =100%	61/61 =100%	61/61 =100%		1/65 =1,5%					1/69 =1,4%			
Tỷ lệ	295/299 =98,7%	289/293 =98,6%	298/299 =99,7%	281/285 =98,6%	279/279 =100%	4/299 =1,3%	4/293 =1,4%	1/299 =0,3%	4/285 =1,4%	0	6/308 =1,9%	4/319 =1,3%	7/318 =2,2%	4/301 =1,3%	3/289 =1,0%

STT	Môn	Năm học 2018–2019				Năm học 2019–2020				Năm học 2020–2021				Năm học 2021–2022				Năm học 2022–2023			
		I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK
	thực hành																				
4	Boi lội				1															1	
5	Lồng đèn đẹp				1				1												1
6	Chi huy Đội giỏi																	1			
7	Thiếu nhi với văn hóa đọc																				1
8	Hùng biện tiếng Anh				1																1
Cộng			3	1	3			1	3			2	3				3	1		1	5
Tổng cộng			3	2	6			2	5			5	5			3	3	1		2	6

